



BẢN TIN THÔNG TIN

Lý luận & Thực tiễn

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN



- TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, KẾT LUẬN CỦA ĐẢNG
- SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG, CHÍNH ĐỐN ĐẢNG QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI
- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SÁNG KIẾN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN





PGS, TS Phạm Việt Đức - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh phát biểu chỉ đạo, quán triệt tại buổi sinh hoạt chuyên đề quý II, năm 2026 của Đảng bộ Nhà trường với chủ đề: “Phát huy truyền thống 90 năm Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh”.



Tập thể cán bộ, đảng viên của Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên chụp ảnh lưu niệm tại Di tích thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên (xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên).



Chịu trách nhiệm xuất bản PGS, TS PHẠM VIỆT ĐỨC

Tỉnh ủy viên, Hiệu trưởng

Hội đồng Biên tập

PHẠM VIỆT ĐỨC

NGUYỄN PHÚC ÁI

ĐẶNG THỊ KIM OANH

ĐỖ TÀI

NGÔ THỊ HỒNG NHUNG

NGUYỄN VĂN TUẤN

NGUYỄN THỊ HỒNG MÂY

VŨ MẠNH HÀ

CÙ THỊ THU TRANG

LÊ MINH HƯỜNG

NGUYỄN VIỆT HÒA

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

TỈNH THÁI NGUYÊN

Trụ sở: số 330/1, đường Bắc Kạn,

P. Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: 02083.757.284

Fax: 02083.752.295

Trình bày: **Đức Hiếu**

Giấy phép xuất bản số 92/GP-XBBT do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10 tháng 3 năm 2026. In 200 cuốn khổ 19x27cm, tại Công ty cổ phần In Bắc Kạn. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2026.

Bản tin Thông tin Lý luận và thực tiễn

**TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

MỤC LỤC

THÔNG TIN LÃNH ĐẠO - CHỈ ĐẠO

* **TS Nguyễn Phúc Ái:** Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quán triệt, tuyên truyền, triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng.....3

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* **ThS Ngô Thị Hồng Nhung:** Sự phát triển nhận thức lý luận về xây dựng, chỉnh đốn Đảng qua 40 năm đổi mới.....6

* **TS Lê Minh Hường:** Bồi dưỡng theo năng lực thực thi công vụ cho cán bộ, công chức cấp xã theo Quyết định số 700/QĐ-TTg và vấn đề đặt ra đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....10

* **ThS Vũ Mạnh Hà:** Một số kinh nghiệm vận dụng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng trong giảng dạy các phần học thuộc chương trình Trung cấp lý luận chính trị do Khoa Xây dựng Đảng đảm trách.....13

* **ThS Nguyễn Thị Hồng Mây:** Phẩm chất “Cần, kiệm, liêm, chính” theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong xây dựng đạo đức công vụ hiện nay.....15

* **ThS Cù Thị Thu Trang:** Tư duy đột phá của Đảng về lực lượng sản xuất trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và vận dụng vào giảng dạy phần học Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin thuộc chương trình Trung cấp lý luận chính trị.....19

* **ThS Triệu Thị Phụng Chuyên:** Một số điểm mới trong quy chế hoạt động khoa học của trường chính trị kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.....22

* **ThS Hứa Thị Minh Hồng:** Nâng cao chất lượng sáng kiến tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....24

* **ThS Nguyễn Thùy Dương:** Vận dụng quan điểm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng về khoa học - công nghệ trong giảng dạy nội dung “Thực hiện phát triển lực lượng sản xuất” ở môn Kinh tế chính trị trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....26

* **ThS Nguyễn Việt Hòa:** Nâng cao chất lượng công tác quản lý học viên tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....30

* **ThS Tô Lan Hương:** Phát huy vai trò của lực lượng sản xuất trong kỷ nguyên mới - góc nhìn từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên.....33

* **ThS Lê Chí Trung:** Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về vị trí, vai trò của văn hóa trong thời kỳ đổi mới.....36

* **ThS Đàm Thùy Dương:** Từ Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đến thực tiễn phong trào “Bình dân học vụ số” ở tỉnh Thái Nguyên.....40

* **ThS Trần Thu Trang:** Bồi dưỡng công chức theo vị trí việc làm ở các trường chính trị - Thực tiễn và hướng đổi mới.....43

* **ThS Nguyễn Thị Thúy Hằng:** Tư tưởng “Dân là gốc” - Thước đo cao nhất của mọi quyết sách trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.....46

* **ThS Nguyễn Thị Giang:** Phát huy vai trò xung kích của đoàn viên thanh niên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số.....48

MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

* **ThS Nguyễn Thị Thanh Dung:** Nâng cao hiệu quả phối hợp trong thực thi công vụ - Thực tiễn triển khai thực hiện của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....51

* **ThS Phạm Thu Thủy:** Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính tại xã Phú Thông....53

* **ThS Nông Thị Thanh Hương:** Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã sau sắp xếp đơn vị hành chính - Thực tiễn và giải pháp từ mô hình phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên.....56

TIN TỨC - SỰ KIỆN

* **ThS Nguyễn Thị Hải Yến:** Sự kiện nổi bật tháng 4, tháng 5 năm 2026 tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.....59

Ảnh bìa 1: Đồng chí Trịnh Xuân Trường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị Thường trực Tỉnh ủy làm việc với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, ngày 15/4/2026.

TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT, CHỈ THỊ, KẾT LUẬN CỦA ĐẢNG

TS Nguyễn Phúc Ái

Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là dấu mốc chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, mở ra giai đoạn phát triển mới của đất nước với khát vọng hùng cường, tư duy đổi mới và quyết tâm tạo ra những bước đột phá chiến lược. Những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được xác định trong các văn kiện Đại hội tiếp tục khẳng định bản lĩnh, trí tuệ và tầm nhìn của Đảng trước yêu cầu phát triển nhanh, bền vững trong bối cảnh mới.

Để những chủ trương của Đảng thực sự đi vào cuộc sống, công tác nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và tổ chức thực hiện nghị quyết giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là bước đầu tiên trong quy trình lãnh đạo của Đảng mà còn là khâu quyết định việc chuyển hóa đường lối, chủ trương thành nhận thức thống nhất, ý chí hành động và kết quả cụ thể trong thực tiễn.

Nhận thức sâu sắc điều đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ban hành Công văn số 1032-CV/TU, ngày 22/4/2026 về tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, trong đó chỉ rõ: Công tác học tập, quán triệt nghị quyết thời gian qua đã có nhiều đổi mới, phương thức tổ chức linh hoạt, ý thức trách nhiệm của cán bộ được nâng lên. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, chúng ta cần một bước chuyển mình mạnh mẽ hơn nữa. Văn bản thể hiện tinh thần chỉ đạo quyết liệt, kịp thời và

toàn diện; đồng thời, xác định rõ trách nhiệm của từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong việc đưa nghị quyết nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo chuyển biến rõ nét trong toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị của tỉnh.

Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, yêu cầu đó mang ý nghĩa đặc biệt sâu sắc. Nhà trường là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh; là cơ sở nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; là nơi truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đội ngũ cán bộ, đảng viên trong toàn tỉnh. Mỗi chương trình đào tạo, bài giảng, công trình nghiên cứu của Nhà trường đều có tác động trực tiếp đến chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở - lực lượng giữ vai trò quyết định trong tổ chức thực hiện nghị quyết ở địa phương. Cán bộ, giảng viên của Nhà trường chính là những “người gác cổng” về mặt tư tưởng. Mỗi bài giảng trên lớp phải là một diễn đàn để phân tích sâu sắc các nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị, từ đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm an ninh năng lượng và phát triển văn hóa... Chúng ta có nhiệm vụ làm cho học viên hiểu rằng: Nghị quyết không phải là những dòng chữ khô khan mà là giải pháp cho những điểm nghẽn thực tế tại địa phương, đơn vị học viên đang công tác.

Trong thời gian qua, Đảng ủy, Ban Giám hiệu và tập thể cán bộ, giảng viên Nhà trường đã có nhiều cố gắng trong việc cập nhật nội dung mới của Trung ương, của tỉnh

vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng; tổ chức nghiên cứu khoa học, hội thảo, tọa đàm; đổi mới phương pháp giảng dạy; tăng cường gắn lý luận với thực tiễn địa phương; việc tuyên truyền nghị quyết luôn đi đôi với uốn nắn nhận thức lệch lạc, lồng ghép công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong các tiết học.

Tuy nhiên, trước yêu cầu mới ngày càng cao, trước tốc độ phát triển nhanh của thực tiễn và sự xuất hiện liên tục của những vấn đề mới, công tác này cần tiếp tục được nâng lên một tầm cao mới với tư duy mới, quyết tâm mới và cách làm mới. Để tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quán triệt và triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường xác định một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nhận thức về vị trí, vai trò của công tác học tập nghị quyết. Học tập nghị quyết không phải là nhiệm vụ mang tính hình thức, càng không phải là công việc làm theo thời điểm. Đây là trách nhiệm chính trị thường xuyên của mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên.

Đối với Nhà trường, nhiệm vụ rất quan trọng là kịp thời cập nhật đầy đủ nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, các nghị quyết Trung ương khóa XIV, nghị quyết của Tỉnh ủy, các đề án, chương trình hành động của tỉnh vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phản ánh kịp thời tinh thần mới của Trung ương, của tỉnh và yêu cầu thực tiễn của địa phương. Việc cập nhật cần thực hiện theo hướng cấu trúc lại bài giảng để làm nổi bật các đột phá chiến lược, đặc biệt là các nghị quyết về đổi mới công tác xây dựng pháp luật, phòng chống tham nhũng, lãng phí và kỷ luật Đảng.

Đồng thời, việc cập nhật phải bảo đảm tính hệ thống, tính khoa học, tính thực tiễn và phù hợp từng đối tượng học viên. Cán bộ

lãnh đạo cấp xã, cán bộ quản lý cấp phòng, cán bộ các ban xây dựng đảng hay đội ngũ công chức chuyên môn ở cấp xã đều có nhu cầu tiếp cận khác nhau. Vì vậy, nội dung truyền đạt cũng cần được thiết kế theo hướng chuyên sâu, sát chức trách, nhiệm vụ. Đây chính là việc làm cụ thể, trực tiếp, thể hiện rõ vai trò trung tâm của Nhà trường trong lan tỏa chủ trương, đường lối của Đảng.

Hai là, đổi mới toàn diện chất lượng đào tạo theo phương châm đồng kiến tạo tri thức mới.

Việc đổi mới, nâng cao toàn diện chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng theo phương châm: “Giảng viên - học viên đồng kiến tạo tri thức mới, giá trị mới” là định hướng rất mới, sâu sắc, phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại. Điều đó, đòi hỏi Nhà trường phải coi đổi mới phương pháp giảng dạy là khâu đột phá để nâng cao hiệu quả quán triệt nghị quyết. Trong bối cảnh hiện nay, người học không chỉ cần nghe giảng mà cần được trao đổi, phản biện, xử lý tình huống và tham gia kiến tạo tri thức. Vì vậy, phải chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức một chiều sang phát triển năng lực người học; tăng cường tương tác, thảo luận, xử lý tình huống, nghiên cứu điển hình thực tiễn. Việc kiểm tra, đánh giá cũng phải đổi mới theo hướng coi trọng năng lực thực hành, khả năng vận dụng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và năng lực xử lý công việc trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Ba là, xây dựng đội ngũ giảng viên thực sự là lực lượng nòng cốt trong lan tỏa tinh thần nghị quyết. Giảng viên Trường Chính trị tỉnh phải hội tụ ba yếu tố căn bản: vững về bản lĩnh chính trị, sâu về chuyên môn nghiệp vụ, giàu về kinh nghiệm thực tiễn. Trong thời đại tri thức biến đổi nhanh, giảng viên không thể bằng lòng với vốn hiểu biết sẵn có mà

phải liên tục học tập, nghiên cứu, cập nhật những vấn đề mới của Đảng, của đất nước, của tỉnh và của thế giới.

Mỗi giảng viên cần rèn luyện khả năng tư duy chiến lược, năng lực nghiên cứu độc lập, kỹ năng sư phạm hiện đại, năng lực sử dụng công nghệ số và khả năng truyền cảm hứng cho người học. Người giảng viên tốt không chỉ giúp học viên hiểu nghị quyết mà còn khơi dậy niềm tin, tinh thần trách nhiệm và khát vọng cống hiến trong mỗi học viên.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học gắn với tổng kết thực tiễn địa phương để làm giàu tri thức lý luận và nâng cao chất lượng bài giảng. Công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của Trường phải tập trung vào việc giải mã những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai nghị quyết tại Thái Nguyên. Các đề tài nghiên cứu cần tập trung vào thực tiễn những vấn đề liên quan đến việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, các giải pháp đột phá về kinh tế, xã hội và xây dựng Đảng tại cơ sở... Kết quả nghiên cứu phải được chuyển hóa thành kiến thức cập nhật cho cán bộ, đảng viên.

Năm là, đề cao trách nhiệm nêu gương. Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, tinh thần này phải được thể hiện ở mọi cấp độ:

Đảng ủy, Ban Giám hiệu phải là những người đầu tiên nắm vững và trực tiếp truyền đạt các nội dung cốt lõi của nghị quyết, chủ trì và chịu trách nhiệm toàn diện về chất lượng các chương trình hành động.

Đối với cán bộ, giảng viên phải coi việc nghiên cứu nghị quyết là nhu cầu tự thân, là trách nhiệm nghề nghiệp. Mỗi đảng viên trong Trường phải là một tuyên truyền viên tích cực, góp phần lan tỏa năng lượng tích cực và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng đến với học viên và quần chúng.

Đối với học viên cần nâng cao ý thức tự giác, học để nâng cao năng lực công tác,

không chỉ biết nghị quyết mà còn hiểu sâu nghị quyết, tin tưởng nghị quyết và triển khai hiệu quả nghị quyết.

Sáu là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền. Bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn, Website, Fanpage của Trường phải trở thành diễn đàn trao đổi tâm huyết, nơi phản ánh kịp thời các mô hình hay, cách làm sáng tạo trong triển khai nghị quyết tại các địa phương trong tỉnh.

Có thể khẳng định rằng, nâng cao chất lượng công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng không phải là việc làm một sớm một chiều mà là một hành trình bền bỉ, đòi hỏi sự kiên trì và không ngừng đổi mới. Công việc này, không chỉ là trách nhiệm mà còn là niềm tự hào của mỗi cán bộ, giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên.

Với sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Thường trực Tỉnh ủy và sự đoàn kết, thống nhất, đồng lòng của tập thể Nhà trường, Trường Chính trị tỉnh sẽ hoàn thành xuất sắc sứ mệnh đưa chủ trương, đường lối của Đảng thấm sâu vào từng cơ quan, đơn vị, địa phương, biến những định hướng chiến lược thành những con số tăng trưởng, những công trình hiện hữu và củng cố niềm tin vững chắc trong nhân dân Thái Nguyên./.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và các văn kiện Hội nghị Trung ương khóa XIV.
2. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ I nhiệm kỳ 2025 - 2030.
3. Tỉnh ủy Thái Nguyên, Thông báo số 510-TB/TU, ngày 16/4/2026 kết luận của Thường trực Tỉnh ủy Thái Nguyên tại Hội nghị làm việc với Trường Chính trị tỉnh.
4. Tỉnh ủy Thái Nguyên, Công văn số 1032-CV/TU, ngày 22/4/2026 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về việc tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quán triệt, tuyên truyền và triển khai Nghị quyết Đại hội XIV và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng.

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI

ThS Ngô Thị Hồng Nhung

*Trưởng phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng
và nghiên cứu khoa học*

Qua 40 năm đổi mới, nhận thức lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng, chỉnh đốn Đảng ngày càng toàn diện và sâu sắc hơn. Từ việc chú trọng xây dựng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, Đảng đã bổ sung và nhấn mạnh xây dựng về đạo đức và cán bộ. Quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa “xây dựng” và “chỉnh đốn” được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, cấp bách. Bên cạnh đó, Đảng ta cũng đề cao vai trò kiểm tra, giám sát, kỷ luật và trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Sự phát triển nhận thức này góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng trong giai đoạn mới, được biểu hiện cụ thể trên các nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, sự phát triển nhận thức lý luận chung về Đảng và xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Qua 40 năm đổi mới, Đảng ta đã xác định rõ, đầy đủ và khoa học hơn bản chất của Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã đánh dấu bước phát triển có tính bước ngoặt trong nhận thức về bản chất của Đảng, thể hiện ở diễn đạt mới về Đảng: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”. Khẳng định như vậy vừa phản ánh được bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phản ánh được nét đặc thù của Đảng theo sự phát triển sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tế Việt Nam và đáp ứng được nguyện vọng, tình cảm của Nhân dân.

Các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng đã được phát triển phù hợp với tình hình mới. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, đã bổ sung vào Điều lệ Đảng hai nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng: Đảng giữ mối liên hệ mật thiết với nhân dân và Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, đưa hệ thống nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng thành năm nguyên tắc: Tập trung dân chủ; tự phê bình và phê bình; đoàn kết thống nhất; gắn bó mật thiết với Nhân dân; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Từ yêu cầu của thực tiễn xây dựng Đảng trong quá trình đổi mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã phát triển vấn đề xây dựng Đảng về đạo đức thành một nội dung, nhiệm vụ xây dựng Đảng mới. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng đưa việc xây dựng đội ngũ cán bộ thành một mặt chủ yếu của xây dựng Đảng. Qua thực tiễn 40 năm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát triển cấu trúc công tác xây dựng Đảng thành 5 mặt cơ bản: Chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ.

Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng đã đề ra chủ trương chỉnh đốn Đảng, tiến hành “cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng”. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, khái niệm “chỉnh đốn Đảng” được sử dụng và đặt cùng khái niệm “xây dựng Đảng” để nhấn mạnh nhiệm vụ chỉnh đốn Đảng. Từ đó đến nay, Đảng chủ trương chỉnh đốn Đảng phải luôn gắn liền với xây dựng Đảng, trong đó xây dựng Đảng là

nhệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài; chính đôn Đảng là nhệm vụ quan trọng, thường xuyên, cấp bách; gắn xây dựng Đảng với xây dựng cả hệ thống chính trị; xây dựng, chỉnh đôn Đảng cần tiến hành từng bước.

Thứ hai, sự phát triển nhận thức lý luận trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức.

Sự phát triển nhận thức lý luận trong xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức là một quá trình liên tục, phản ánh sự trưởng thành về tư duy và bản lĩnh của Đảng trước những yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn cách mạng. Trước hết, về chính trị, nhận thức lý luận ngày càng nhấn mạnh vai trò kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đồng thời linh hoạt trong đường lối, chính sách để thích ứng với bối cảnh trong nước và quốc tế. Về tư tưởng, Đảng không ngừng củng cố nền tảng lý luận, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam, đồng thời chú trọng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng của mình. Đặc biệt, trong lĩnh vực đạo đức, nhận thức lý luận đã có bước phát triển rõ nét khi coi đây là “gốc” của người cán bộ, đảng viên, gắn xây dựng đạo đức với phòng, chống suy thoái, tham nhũng, tiêu cực.

Nhận thức của Đảng đối với xây dựng Đảng về đạo đức có bước phát triển. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã xác định xây dựng Đảng về đạo đức là một nội dung cơ bản của xây dựng Đảng và nội dung này tiếp tục được đề cao, nhấn mạnh tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, XIV. Đảng nhấn mạnh lấy đạo đức làm tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá cán bộ: Một cán bộ có năng lực nhưng thiếu đạo đức sẽ gây nguy hại cho Đảng; ngược lại, có đạo đức nhưng thiếu năng lực (không dám làm, làm việc kém hiệu quả) cũng được coi là một dạng suy thoái về

trách nhiệm; xác định việc cán bộ sợ trách nhiệm là một biểu hiện của sự suy thoái về đạo đức và năng lực. Do đó, việc xây dựng cơ chế để cán bộ “vừa có tâm, vừa có tầm” là mục tiêu xuyên suốt. Đảng tập trung vào “đổi mới con người” thông qua đạo đức và năng lực cán bộ để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình.

Sự kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức không chỉ giúp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng mà còn củng cố niềm tin của Nhân dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ ba, sự phát triển lý luận về xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên là nhệm vụ quan trọng, thường xuyên; là trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên. Đảng đã có những phát triển nhận thức về chức năng, nhệm vụ, cách tổ chức, cách xây dựng tổ chức cơ sở đảng. Về vấn đề đảng viên, sau quá trình tổng kết thực tiễn, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã cho phép đảng viên được làm kinh tế tư nhân, gương mẫu chấp hành nghiêm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra chủ trương đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên trong doanh nhân, đánh dấu phát triển nhận thức của Đảng trong công tác đảng viên.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh đổi mới mô hình tổ chức, tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy, khắc phục tình trạng “cơ sở trong cơ sở” và kiện toàn các loại hình tổ chức đảng phù hợp với thực tiễn mới (nhất là trong các

doanh nghiệp, tập đoàn). Nâng tầm năng lực quản trị, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và năng lực hoạch định chủ trương tại cơ sở.

Thứ tư, sự phát triển nhận thức lý luận về công tác cán bộ và bảo vệ chính trị nội bộ.

Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong công tác cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chiến lược xác định hệ thống các quan điểm, mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ công tác cán bộ, đánh dấu bước phát triển lớn lý luận về công tác cán bộ và xây dựng Đảng về cán bộ.

Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 16/5/2018 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Nghị quyết khẳng định cán bộ là “gốc của mọi công việc”, từ đó nhấn mạnh yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng, năng lực chuyên môn cao và đạo đức trong sáng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Điểm nổi bật trong nhận thức lý luận là sự kết hợp chặt chẽ giữa “đức” và “tài”, trong đó “đức” là nền tảng, đồng thời coi trọng cơ chế kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền, bảo đảm công bằng, minh bạch trong công tác cán bộ. Bên cạnh đó, Nghị quyết cũng đề cao việc đổi mới công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ theo hướng khoa học, khách quan, gắn với thực tiễn và hiệu quả công việc. Những phát triển này không chỉ góp phần hoàn thiện

lý luận về công tác cán bộ mà còn tạo cơ sở quan trọng để xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực lãnh đạo đất nước trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp hiện đại.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tập trung vào việc chuyển đổi đội ngũ cán bộ từ tư duy “an toàn, thụ động” sang “đột phá, sáng tạo”. Bảo vệ cán bộ “6 dám”, đây là bước tiến lý luận cực kỳ quan trọng. Đảng nhận thức rằng, trong kỷ nguyên vươn mình, nếu cán bộ sợ sai, không dám làm thì đất nước sẽ lỡ nhịp. Do đó, cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ; dám nói; dám làm; dám chịu trách nhiệm; dám đổi mới, sáng tạo; dám đương đầu với khó khăn, thử thách được đưa vào văn kiện như một cam kết chính trị. Lý luận về công tác cán bộ hiện nay không chỉ dừng lại ở “đúng quy trình” mà nhấn mạnh vào “đúng người, đúng việc”. Việc sàng lọc, thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém, thiếu bản lĩnh, “ngồi nhầm chỗ” đã trở thành việc làm thường xuyên. Tập trung đào tạo thế hệ cán bộ đủ tầm vóc về trí tuệ và bản lĩnh để quản trị quốc gia trong môi trường quốc tế phức tạp.

Qua thực tiễn 40 năm, Đảng đã phát triển nhận thức lý luận về khái niệm, vai trò, nội dung, nhiệm vụ, phương châm, nghiệp vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Quy định số 58-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ, Đảng đã xác định các nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới. Nhìn khái quát, công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã có sự phát triển quan điểm theo hướng toàn diện, gắn bảo vệ chính trị nội bộ với xây dựng đội ngũ cán bộ, bảo vệ nền tảng tư tưởng, ngăn chặn nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”, coi trọng cả phẩm chất chính trị, bản lĩnh, năng lực và uy tín; từ đặt nặng vấn đề lịch sử chính trị sang nắm chắc lịch sử chính trị, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay.

Thứ năm, sự phát triển nhận thức lý luận về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Đảng đã chuyển trọng tâm công tác kiểm tra sang kiểm tra đảng viên, tổ chức đảng khi có dấu hiệu vi phạm để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X đã bổ sung thêm công tác giám sát gắn liền công tác kiểm tra. Qua các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII, Đảng tiếp tục có nhiều chủ trương đổi mới công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, như: Tập trung chỉ đạo xây dựng, hoàn thiện các quy định của Đảng; đổi mới quy trình, phương pháp kiểm tra, giám sát; tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm; công khai kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật; tăng thẩm quyền cho cơ quan kiểm tra của Đảng.

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, nhận thức lý luận về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đã có bước phát triển quan trọng, thể hiện rõ tư duy đổi mới trong xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Nếu trước đây kiểm tra chủ yếu mang tính phát hiện và xử lý vi phạm thì nay được nâng lên thành một chức năng lãnh đạo thiết yếu, có vai trò phòng ngừa từ sớm, từ xa. Đại hội nhấn mạnh sự chuyển biến từ bị động sang chủ động, tăng cường giám sát thường xuyên để kịp thời phát hiện dấu hiệu sai phạm, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn. Đồng thời, công tác kiểm tra, giám sát được gắn chặt với kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực, khẳng định nguyên tắc kỷ luật nghiêm minh, không có vùng cấm. Đây không chỉ là sự hoàn thiện về mặt lý luận mà còn thể hiện quyết tâm chính trị cao trong việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, củng cố niềm tin của Nhân

dân đối với sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn phát triển mới.

Thứ sáu, sự phát triển nhận thức lý luận về đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng.

Từ nhận thức chưa toàn diện về phương thức lãnh đạo, 40 năm qua, nhận thức của Đảng về phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền đã có bước tiến lớn. Năm 1989, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI đã sử dụng khái niệm phương thức lãnh đạo thay cho các khái niệm “phương pháp lãnh đạo”, “tác phong công tác”. Cương lĩnh 1991 và Cương lĩnh 2011 đã bổ sung và xác định cụ thể hơn phương thức lãnh đạo của Đảng. Cùng với sự phát triển nhận thức của Đảng về phương thức lãnh đạo, trong quá trình đổi mới, Đảng đã có nhận thức mới về phương thức cầm quyền của Đảng. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, xác định rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, phương thức lãnh đạo của Đảng cầm quyền được nâng tầm thành một cuộc cách mạng về quản trị nhằm đáp ứng yêu cầu của “Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”. Điểm cốt lõi là chuyển mạnh từ lãnh đạo bằng tư duy hoạch định sang lãnh đạo bằng tổ chức thực thi hiệu quả.

Trải qua 40 năm, nhận thức lý luận của Đảng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có bước phát triển ngày càng toàn diện, sâu sắc và phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng. Từ chỗ tập trung vào xây dựng tổ chức và tư tưởng, Đảng đã từng bước hoàn

(Xem tiếp trang 12)

BỒI DƯỠNG THEO NĂNG LỰC THỰC THI CÔNG VỤ CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 700/QĐ-TTg VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

TS Lê Minh Hùng

Phó Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Việc tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp đang đặt ra yêu cầu mới đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Trong bối cảnh đó, Quyết định số 700/QĐ-TTg ngày 20/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Đề án tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, đặc khu đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 2 cấp giai đoạn 2026-2031* (Quyết định số 700/QĐ-TTg) đã tạo cơ sở quan trọng để đổi mới hoạt động bồi dưỡng theo hướng gắn với năng lực thực thi công vụ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

1. Yêu cầu mới về bồi dưỡng cán bộ cấp xã theo Quyết định số 700/QĐ-TTg

Điểm đáng chú ý của Quyết định số 700/QĐ-TTg không nằm ở việc mở rộng quy mô bồi dưỡng mà ở sự thay đổi cách tiếp cận. Đề án đặt ra yêu cầu chuyển từ trang bị kiến thức sang tiếp cận năng lực thực thi công vụ, gắn với vị trí việc làm và bối cảnh thực tiễn ở cấp xã.

Đề án nhấn mạnh việc thiết kế nội dung bồi dưỡng theo vị trí việc làm. Điều này đồng nghĩa với việc nội dung bồi dưỡng phải được phân hóa theo chức danh, nhiệm vụ và đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức cấp xã, bảo đảm rằng người học được trang bị những năng lực trực tiếp phục vụ công việc, thay vì tiếp nhận những kiến thức mang tính khái quát, chung chung.

Yêu cầu về năng lực xử lý tình huống thực tiễn được đặt ở vị trí trung tâm. Cán bộ, công chức cấp xã không chỉ cần nắm vững

quy định mà phải có khả năng vận dụng linh hoạt trong các tình huống cụ thể như giải quyết khiếu nại, quản lý đất đai, tổ chức thực hiện chính sách... tại cơ sở. Vì vậy, bồi dưỡng cần hướng tới việc hình thành kỹ năng phân tích, ra quyết định và xử lý vấn đề, thay vì dừng lại ở việc truyền đạt nội dung.

Yêu cầu đổi mới phương thức tổ chức bồi dưỡng theo hướng linh hoạt, gắn với thực tiễn và tăng cường tính tương tác là một điểm mới khác của Đề án. Theo đó, phải đa dạng hóa hình thức tổ chức, kết hợp giữa học tập trên lớp với các hoạt động mô phỏng, thảo luận tình huống, trao đổi kinh nghiệm, qua đó tạo điều kiện để người học “trải nghiệm” quá trình thực thi công vụ trong môi trường học tập.

2. Thực trạng hoạt động bồi dưỡng - mức độ đáp ứng yêu cầu mới

Thực tiễn phát triển của tỉnh Thái Nguyên đang đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Là địa phương có tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa khá nhanh, đồng thời có cả khu vực đô thị, nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh đang xuất hiện nhiều yêu cầu quản lý đa dạng như đất đai, giải phóng mặt bằng, an sinh xã hội, cải cách hành chính, chuyển đổi số ở cơ sở và giữ vững ổn định địa bàn... Trước yêu cầu đó, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã triển khai tương đối đồng bộ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định, góp phần nâng cao trình độ, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Tuy nhiên, trong bối cảnh yêu cầu mới của Quyết định số 700/QĐ-TTg, hoạt động bồi dưỡng hiện nay còn một số nội dung có thể tiếp tục được hoàn thiện để nâng cao tính thực chất.

Về nội dung, việc tổ chức bồi dưỡng hiện vẫn chủ yếu dựa trên cấu trúc chương trình tương đối thống nhất giữa các nhóm đối tượng. Trong khi đó, yêu cầu của Đề án là thiết kế nội dung theo vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm cán bộ, công chức cấp xã. Điều này cho thấy, cần tiếp tục đẩy mạnh việc phân hóa nội dung bồi dưỡng theo nhu cầu thực tiễn của từng vị trí công tác.

Về phương pháp, mặc dù đã có những đổi mới nhất định, song việc tăng cường các hình thức học tập gắn với tình huống thực tiễn, mô phỏng hoặc trao đổi kinh nghiệm thực tế vẫn cần được phát huy mạnh mẽ hơn. Yêu cầu hình thành năng lực xử lý công việc cụ thể, một nội dung trọng tâm của Đề án, đòi hỏi quá trình bồi dưỡng phải tạo điều kiện để người học tham gia vào các hoạt động mang tính trải nghiệm, không chỉ tiếp nhận kiến thức.

Hoạt động nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn của Nhà trường đã được quan tâm triển khai, song cần tăng cường hơn để phát huy hiệu quả trong việc cung cấp luận cứ và chất liệu thực tiễn cho nội dung bồi dưỡng.

Hoạt động bồi dưỡng của Nhà trường đã có nền tảng và đạt được những kết quả tích cực. Tuy nhiên, khi đối chiếu với yêu cầu chuyển mạnh sang bồi dưỡng theo năng lực thực thi công vụ theo Quyết định số 700/QĐ-TTg, cách tiếp cận bồi dưỡng theo chương trình hiện nay chưa thực sự tạo ra môi trường rèn luyện nâng cao năng lực một cách đầy đủ. Vì vậy, tiếp tục điều chỉnh cách tiếp cận và phương thức tổ chức bồi dưỡng không chỉ là nhu cầu hoàn thiện mà là yêu cầu mang tính chuyển đổi.

3. Giải pháp đổi mới hoạt động bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Để đáp ứng yêu cầu chuyển sang bồi dưỡng theo năng lực thực thi công vụ theo Quyết định số 700/QĐ-TTg, cần triển khai các giải pháp theo hướng vừa có lộ trình, vừa có sản phẩm cụ thể:

3.1. Thiết kế chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm và năng lực thực thi công vụ

Trường Chính trị tỉnh cần rà soát, cập nhật chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo tinh thần Quyết định số 700/QĐ-TTg, chuyển mạnh từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực thực thi công vụ. Nội dung chương trình phải gắn với vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ của từng nhóm đối tượng như cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã; công chức chuyên môn, nguồn cán bộ kế cận...

Theo đó, cần tăng cường các chuyên đề thiết thực về quản trị địa phương, kỹ năng điều hành, cải cách hành chính, chuyển đổi số, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, hòa giải ở cơ sở, quản lý tài chính - ngân sách và phát triển kinh tế địa phương. Chương trình cần được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt, thường xuyên cập nhật từ yêu cầu thực tiễn.

3.2. Xây dựng ngân hàng tình huống và hoàn thiện mô hình lớp học ba lớp

Bồi dưỡng theo năng lực đòi hỏi học viên phải được rèn luyện khả năng xử lý công việc cụ thể. Vì vậy, Nhà trường cần xây dựng ngân hàng tình huống gắn với thực tiễn tỉnh Thái Nguyên và khu vực trung du miền núi phía Bắc, tập trung vào các vấn đề thường phát sinh ở cơ sở như đất đai, giải phóng mặt bằng, cải cách thủ tục hành chính, an sinh xã hội, mâu thuẫn cộng đồng dân cư, quản lý ngân sách, chuyển đổi số và tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp...

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện mô hình “lớp học ba lớp”, gồm lớp kiến thức nền tảng, lớp phân tích tình huống và lớp vận dụng thực tiễn. Cách tổ chức này giúp học viên không chỉ hiểu vấn đề mà còn biết cách giải quyết công việc sau khóa học.

3.3. Đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường trải nghiệm thực tiễn

Phương pháp giảng dạy cần chuyển từ truyền đạt một chiều sang phát huy tính chủ động, tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề của học viên. Giảng viên cần tăng cường sử dụng các hình thức như thảo luận nhóm, mô phỏng tình huống, tọa đàm, tranh luận chính sách, học qua vấn đề và ứng dụng công nghệ số trong tổ chức lớp học.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thực tế, khảo sát cơ sở; mời cán bộ quản lý có kinh nghiệm ở địa phương tham gia trao đổi chuyên đề. Qua đó, học viên được tiếp cận trực tiếp với mô hình hay, cách làm hiệu quả và những vấn đề đang đặt ra từ thực tiễn quản lý ở cơ sở.

3.4. Gắn bồi dưỡng với nghiên cứu khoa học và đánh giá sau đào tạo, bồi dưỡng

Nhà trường cần coi nghiên cứu khoa học là nguồn quan trọng để cập nhật nội dung bồi dưỡng. Các đề tài nghiên cứu nên tập trung vào những vấn đề thực tiễn của chính quyền cấp xã như nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quản trị địa phương, phát triển kinh tế nông thôn, giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở. Kết quả nghiên cứu cần được chuyển hóa thành chuyên đề giảng dạy, tài liệu tham khảo và tình huống học tập.

Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng thông qua phản hồi của học viên, cơ quan sử dụng cán bộ và mức độ vận dụng kiến thức vào thực tiễn công tác. Đây phải là căn cứ trực tiếp để điều chỉnh chương trình, phương pháp và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tới.

Đổi mới bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã theo tinh thần Quyết định 700/QĐ-TTg không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn của Nhà trường mà còn đóng góp trực tiếp vào chất lượng vận hành chính quyền địa phương 2 cấp và năng lực quản trị phát triển của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn mới./.

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC LÝ LUẬN VỀ XÂY DỰNG....

(Tiếp theo trang 9)

thiện quan điểm theo hướng đồng bộ cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; đồng thời, gắn chặt với nhiệm vụ kiểm soát quyền lực, phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Đặc biệt, qua các kỳ đại hội gần đây như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, XIV của Đảng, tư duy lý luận đã chuyển mạnh từ bị động sang chủ động, từ xử lý vi phạm sang phòng ngừa từ sớm, từ xa, đề cao trách nhiệm nêu gương và kỷ luật nghiêm minh. Những bước phát triển đó không chỉ làm phong phú thêm lý luận về xây dựng,

chỉnh đốn Đảng mà còn tạo nền tảng vững chắc để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và củng cố niềm tin của Nhân dân trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VIII, X, XII, XIII, XIV.*
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI, *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6.*
3. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội (cương lĩnh 1991).*
4. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, bổ sung và phát triển năm 2011.*

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VẬN DỤNG TINH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG TRONG GIẢNG DẠY CÁC PHẦN HỌC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ DO KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG ĐẢM TRÁCH

ThS Vũ Mạnh Hà

Trưởng khoa Xây dựng Đảng

Việc vận dụng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào hoạt động giảng dạy trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị tại Khoa Xây dựng Đảng, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên không chỉ là yêu cầu bắt buộc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mà còn là nhiệm vụ chính trị quan trọng của Nhà trường và của Khoa. Đây đồng thời là kênh quan trọng góp phần đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống một cách hiệu quả.

Trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị, Khoa Xây dựng Đảng đảm trách 5 phần học: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Xây dựng Đảng; Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển tỉnh Thái Nguyên. Để thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, đòi hỏi giảng viên không chỉ cần nắm vững kiến thức lý luận cơ bản mà còn phải thường xuyên cập nhật, bổ sung những nhận thức mới từ các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Trên cơ sở thực tiễn giảng dạy, có thể rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau:

Một là, nghiên cứu, nắm vững và lựa chọn nội dung phù hợp của Nghị quyết để vận dụng vào từng phần học, bài giảng

Giảng viên cần nhận thức đầy đủ ý nghĩa của việc đưa Nghị quyết của Đảng vào giảng

dạy, coi đây là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Việc nghiên cứu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV phải được tiến hành một cách nghiêm túc, có hệ thống nhằm nắm vững các quan điểm cốt lõi, những nội dung mới và giá trị lý luận - thực tiễn của Nghị quyết.

Quá trình vận dụng cần bảo đảm một số nguyên tắc cơ bản như: bảo đảm tính Đảng, tính khoa học, tính sư phạm và tính thực tiễn. Trên cơ sở đó, giảng viên lựa chọn, tích hợp nội dung phù hợp với từng môn học, từng bài giảng và đối tượng học viên, tránh tình trạng đưa nội dung một cách dàn trải hoặc khiên cưỡng.

Trong giảng dạy học phần “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, bên cạnh việc làm rõ tiến trình lịch sử và các giai đoạn phát triển của cách mạng, cần nhấn mạnh những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đặc biệt, cần quán triệt nhận định của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV về thành tựu đất nước sau 40 năm đổi mới: từ một quốc gia nghèo, lạc hậu, Việt Nam đã vươn lên trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; đời sống Nhân dân được cải thiện rõ rệt; vị thế và uy tín quốc tế không ngừng được nâng cao. Đây là niềm tự hào và cơ sở quan trọng củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới

toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đồng thời, tạo động lực cho học viên trong nhận thức và hành động.

Đối với học phần “Xây dựng Đảng”, cần làm nổi bật sự phát triển trong tư duy của Đảng về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, toàn diện”. Tính “toàn diện” được hiểu không chỉ trên các mặt chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ mà còn bao gồm năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền, hiệu quả hoạt động, sự gắn bó mật thiết với Nhân dân và khả năng thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số. Đây là bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận về Đảng cầm quyền theo hướng tiếp cận hệ thống và đồng bộ; kết hợp hài hòa giữa “chỉnh đốn” những yếu kém, và “xây dựng” những nhân tố mới; đề cao phòng ngừa hơn là xử lý, coi trọng việc xây dựng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh làm nền tảng cho mọi thắng lợi cách mạng.

Trong học phần “Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội”, cần làm rõ vai trò của các tổ chức này trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là cầu nối giữa Đảng với Nhân dân; đồng thời, nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tổ chức, sắp xếp lại, bảo đảm nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy dân chủ, tăng cường giám sát và phản biện xã hội. Các phong trào thi đua yêu nước được triển khai tích cực, có tác dụng lan tỏa sâu rộng, đã phát huy đầy đủ hơn quyền làm chủ của Nhân dân; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Dân chủ ở cơ sở, dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện được đẩy mạnh, chất lượng giám sát, phản biện xã hội được nâng cao.

Hai là, chú trọng làm rõ những điểm mới trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Để học viên tiếp thu hiệu quả, giảng viên cần đặt các nội dung của Nghị quyết trong mối liên hệ so sánh với các kỳ Đại hội trước. Qua đó, làm nổi bật những điểm mới, những bổ sung và phát triển trong tư duy lý luận của Đảng.

Trong học phần “Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, cần làm rõ sự phát triển trong nhận thức về mục tiêu phát triển đất nước. Nếu Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao, thì đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Đảng ta nhấn mạnh: Thời kỳ chuyển mình từ giai đoạn ổn định phát triển sang bối cảnh “kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển vào năm 2045. Đồng thời, đánh giá toàn diện, sâu sắc hơn chặng đường gần 40 năm đổi mới và đúc kết những bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc về sự kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong học phần “Xây dựng Đảng”, cần phân tích sâu sắc điểm mới trong việc đặt “năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu” trong một chỉnh thể thống nhất. Điều này, phản ánh bước phát triển quan trọng trong tư duy về Đảng cầm quyền, đòi hỏi sự gắn kết chặt chẽ giữa hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện, giữa lý luận và thực tiễn.

Trong học phần “Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam”, cần làm rõ các nội dung mới trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, như: Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát

(Xem tiếp trang 18)

PHẨM CHẤT “CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH” THEO QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ HIỆN NAY

ThS Nguyễn Thị Hồng Vân

Trưởng khoa Nhà nước và pháp luật

Tác phẩm “Cần, kiệm, liêm, chính” của Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn về việc tu dưỡng, thực hành đạo đức của cán bộ, đảng viên. Những phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính được Bác diễn đạt cụ thể, rõ ràng, thiết thực, gần gũi, dễ hiểu, dễ nhớ, làm cơ sở để cán bộ, đảng viên và Nhân dân hiểu đúng, làm đúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng những khái niệm cần, kiệm, liêm, chính của đạo đức phương Đông và truyền thống đạo đức Việt Nam hết sức sáng tạo. Người chất lọc, kế thừa những gì tốt đẹp của quá khứ, lọc bỏ những gì không còn phù hợp và đưa vào những nội dung mới, phù hợp với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng xã hội mới. Trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Người nhấn mạnh: “Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân phải tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước, cho dân”⁽¹⁾.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần, kiệm, liêm, chính là phẩm chất đạo đức cơ bản của con người, đặc biệt đối với người cách mạng. Người ví phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính cần thiết đối với con người như bốn mùa của trời, bốn phương của đất, là bốn đức tạo nên chất người ở mỗi chúng ta. Mỗi chữ cần, kiệm, liêm, chính đã được Bác giải thích rất rõ, rất cụ thể, rất dễ hiểu:

Cần: là “siêng năng, chăm chỉ, cố gắng, dẻo dai” là “phải tìm mọi cách để ít người làm mà làm được nhiều việc”.

Kiểm: là “tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi”. Nhưng “tiết kiệm không phải là bủn xỉn”, không phải là “xem đồng tiền to bằng cái nong”. Theo Người, tiết kiệm là: khi không cần tiêu thì một đồng xu cũng không tiêu, khi có việc đáng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng. Như thế mới đúng là tiết kiệm.

Liêm: là “trong sạch, không tham lam”. Ở một nghĩa tương tự, Hồ Chí Minh cho rằng: Liêm là không tham danh vị, không tham sống, không tham tiền, không tham sắc. Người cán bộ dám hy sinh cho Tổ quốc, hy sinh cho đồng bào, hy sinh vì nghĩa, thì không tham gì hết, những người trong công sở phải lấy chữ liêm làm đầu.

Chính: là “không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì không đứng đắn, thẳng thắn tức là tà”. Đối với mình: Người chính tức là người không tự cao, tự đại. Đối với người: (Trừ bọn việt gian, phát xít, thực dân) phải kính trọng, yêu quý, giúp đỡ. Không nịnh hót người trên, xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn.

Với cán bộ, đảng viên, chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng *cần, kiệm, liêm, chính* càng đặc biệt quan trọng. Điều đó xuất phát từ vai trò, vị trí của người cán bộ, đảng viên trong sự nghiệp các mạng: Cán bộ là gốc của mọi công việc, đạo đức cách mạng là gốc của người cán bộ, mà cần, kiệm, liêm, chính là phẩm chất quan trọng của đạo đức cách mạng. Rèn luyện phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính của người cán bộ, đảng viên là hết sức

cần thiết, Người cho rằng: “Cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của dứt, có dịp “dĩ công vi tư”. Người lý giải “Những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”⁽²⁾.

Tư tưởng của Bác về đạo đức, về cần, kiệm, liêm, chính có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức nói chung và trong xây dựng đạo đức công vụ nói riêng, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ đảng viên.

Ở Việt Nam, đạo đức công vụ được hiểu là những chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ nhằm xây dựng một nền công vụ trong sạch, đáng tin cậy, tận tụy phục vụ Nhân dân. Đạo đức công vụ gắn chặt với quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm, những việc không được làm, cách ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành công vụ do pháp luật quy định.

Theo PGS, TS Ngô Thành Can đạo đức công vụ là hệ thống nguyên tắc, quy tắc ứng xử, điều chỉnh hành vi và nghĩa vụ của công chức khi thi hành công vụ, mang tính chủ quan trong quy định và khách quan trong biểu hiện thực tế.

Đạo đức công vụ là một hệ thống chỉnh thể kết hợp giữa ý thức đạo đức (niềm tin, lương tâm, trách nhiệm nội tại) và hành vi đạo đức (quy tắc ứng xử, kết quả thực thi nhiệm vụ thực tế). Các yếu tố này được hình thành từ sự giao thoa giữa đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp và nhân cách cá nhân, nhằm hướng tới giá trị cốt lõi là sự tận tụy, liêm chính và tinh thần phụng sự Nhân dân vô điều kiện.

Theo pháp luật hiện hành, những nội dung cơ bản của đạo đức công vụ được thể

hiện trong quy định mang tính nguyên tắc về chuẩn mực đạo đức là *cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*. Luật Cán bộ, công chức 2025 quy định: “Cán bộ, công chức phải có đạo đức trong sáng, mẫu mực, thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong thực thi công vụ”⁽³⁾. Chuẩn mực cần kiệm, liêm chính được biểu hiện cụ thể trong các mối quan hệ với nhà nước, với Nhân dân, với cấp trên, với cấp dưới và với đồng nghiệp khi thực thi công vụ.

Trong mối quan hệ với Nhà nước, chế độ chính trị: Cán bộ, công chức, viên chức phải trung thành với Tổ quốc, với chế độ chính trị, bảo vệ danh dự và lợi ích quốc gia. Cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Trong mối quan hệ với Nhân dân: Cán bộ, công chức, viên chức có nghĩa vụ tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân; liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân. Cán bộ, công chức, viên chức phải gần gũi với Nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; không được hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân khi thi hành công vụ; không được phân biệt, đối xử dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

Trong thực thi công vụ: Cán bộ, công chức, viên chức phải có tác phong lịch sự; giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp; có bản lĩnh, tinh thần đổi mới, sáng tạo, hội nhập quốc tế; đoàn kết, kỷ luật, kỷ cương trong công vụ; gương mẫu, không ngừng tu dưỡng, học tập suốt đời, không được trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao, gây bè phái, mất đoàn kết, tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công; sử dụng tài sản của Nhà nước và Nhân dân trái pháp luật; lợi dụng, lạm dụng nhiệm

vụ, quyền hạn, sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi.

Thực trạng đạo đức công vụ những năm gần đây ghi nhận sự chuyển biến tích cực, đa số cán bộ, công chức giữ vững đạo đức, tận tụy phục vụ Nhân dân. Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân năm 2025 cho thấy mức độ hài lòng của người dân về thái độ phục vụ đạt trung bình trên 84%. Tuy nhiên, một bộ phận cán bộ, đảng viên đang suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, làm giảm lòng tin của Nhân dân; tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, vi phạm chuẩn mực đạo đức công vụ vẫn còn diễn biến phức tạp. Trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta đã thi hành kỷ luật hơn 97.400 đảng viên và hơn 2.300 tổ chức đảng; trong đó, đã kỷ luật 176 cán bộ diện Trung ương quản lý (có 66 người bị xử lý hình sự). Riêng năm 2025, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật hơn 330 tổ chức đảng và 9.600 đảng viên, trong đó có 23 cán bộ diện Trung ương quản lý; khởi tố mới 3.325 vụ án với 8.516 bị can về các tội tham nhũng, kinh tế, chức vụ ⁽⁴⁾.

Trước thực trạng đó, việc rèn luyện, nâng cao chuẩn mực đạo đức công vụ theo tư tưởng Hồ Chí Minh là cần thiết để xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, tận tụy phục vụ Nhân dân. Để nâng cao đạo đức công vụ trong bối cảnh hiện nay, cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ giáo dục tư tưởng đến hoàn thiện thể chế pháp lý, trong đó cần tập trung thực hiện một số giải pháp:

Một là, coi trọng công tác chính trị, tư tưởng của Đảng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cần tập trung triển khai thực hiện nghiêm Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng nhằm xây dựng bản lĩnh chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức trách nhiệm, tinh thần nêu gương, năng lực tư duy lý luận, khả năng nhận diện và đấu

tranh với những biểu hiện lệch chuẩn trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên. Chủ động đổi mới phương thức giáo dục lý luận, không chỉ dừng lại ở việc quán triệt văn bản mà phải gắn chặt với thực tiễn đấu tranh chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Hai là, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Tập trung vào nội dung cốt lõi là giáo dục “*Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*” nhằm nâng cao đạo đức cách mạng và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Đối với mỗi cán bộ, công chức, viên chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh phải trở thành nhu cầu tự thân, là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên, nhằm tự giáo dục rèn luyện bản thân mình.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm tính thống nhất nội tại, rõ ràng về thứ bậc, chính xác, minh bạch, dễ hiểu, khả thi. Hoàn thiện pháp luật về đạo đức công vụ theo Nghị quyết số 66/NQ-TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tập trung xây dựng nền công vụ hiện đại, phục vụ, minh bạch, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, trọng tâm là thể chế hóa quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, gắn trách nhiệm người đứng đầu và xử lý nghiêm sai phạm, tạo bước đột phá trong xây dựng văn hóa liêm chính. Nghiên cứu ban hành Luật Đạo đức công vụ để luật hóa các chuẩn mực đạo đức cách mạng về “cần, kiệm, liêm, chính” thành chế tài pháp lý bắt buộc đối với mọi cán bộ, đảng viên.

Những quan điểm chỉ đạo của Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính chứa đựng những chỉ dẫn quý báu, có giá trị to lớn, sâu

sắc, toàn diện cả về lý luận và thực tiễn. Đặc biệt khi hiện nay toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Quy định số 19-QĐ/TW, ngày 08/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác chính trị, tư tưởng trong Đảng và Chỉ thị số 42-CT/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng

đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư./.

Tài liệu tham khảo

- 1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, H, 2011, t.6,
3. *Luật Cán bộ, công chức 2025*.
4. Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, *Báo cáo số 298-BC/TW*, ngày 11/12/2025 *Tổng kết công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nhiệm kỳ Đại hội XIII*.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VẬN DỤNG TINH THẦN NGHỊ QUYẾT....

(Tiếp theo trang 14)

triển trong giai đoạn mới; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt của phát triển. Đây là những nội dung thể hiện rõ tư duy phát triển mới, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Ba là, lựa chọn và vận dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao hiệu quả tiếp thu của học viên

Hiệu quả của việc đưa Nghị quyết vào giảng dạy phụ thuộc rất lớn vào việc lựa chọn phương pháp truyền đạt phù hợp. Do đó, giảng viên cần lựa chọn và kết hợp linh hoạt, hài hòa giữa các phương pháp truyền thống và hiện đại bảo đảm phát huy tính tích cực, chủ động của người học.

Bên cạnh các phương pháp như lịch sử - logic, phân tích - tổng hợp, so sánh, cần tăng cường các phương pháp dạy học tích cực như: thảo luận nhóm, xử lý tình huống, học theo vấn đề, hỏi - đáp gợi mở. Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng học liệu số, trình chiếu dữ liệu thực tiễn, gắn nội dung bài giảng với thực tiễn địa

phương (như tỉnh Thái Nguyên) để tăng tính sinh động và thuyết phục.

Việc tổ chức cho học viên thảo luận về những nội dung mới của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV không chỉ giúp củng cố kiến thức mà còn góp phần phát triển tư duy phản biện, năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác. Qua đó, bài giảng không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức mà còn hướng tới hình thành năng lực hành động cho người học.

Việc nghiên cứu và vận dụng tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng vào giảng dạy chương trình Trung cấp lý luận chính trị là yêu cầu tất yếu, nhằm đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục lý luận chính trị theo hướng khoa học, hiện đại và gắn với thực tiễn. Thực hiện tốt nhiệm vụ này, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới mà còn khẳng định vai trò của đội ngũ giảng viên và các trường chính trị trong việc đưa đường lối của Đảng vào cuộc sống./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

TƯ DUY ĐỘT PHÁ CỦA ĐẢNG VỀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV VÀ VẬN DỤNG VÀO GIẢNG DẠY PHẦN HỌC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ThS Cù Thị Thu Trang
Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Lịch sử phát triển của nhân loại cho thấy, mọi biến đổi về chất của xã hội xét đến cùng đều bắt nguồn từ sự vận động và phát triển của lực lượng sản xuất (LLSX). Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, LLSX bao gồm người lao động và tư liệu sản xuất; trong đó, công cụ lao động là yếu tố năng động và cách mạng nhất, giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của xã hội. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra sâu rộng, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhấn mạnh phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại. Nhận thức này đánh dấu sự phát triển trong tư duy lý luận của Đảng, đồng thời đặt ra yêu cầu đối với việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy phần học “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” trong hệ thống các trường chính trị.

1. Tư duy đột phá của Đảng về lực lượng sản xuất trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV

- Hình thành lực lượng sản xuất mới - lực lượng sản xuất số

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đánh dấu bước chuyển từ mô hình phát triển dựa trên lao động giản đơn và tài nguyên sang mô hình dựa trên tri thức, dữ

liệu và công nghệ số. LLSX hiện đại là sự tích hợp giữa con người với trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) và công nghệ sinh học. Đây là những yếu tố làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất và tổ chức xã hội.

- Mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Đảng ta xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Điều này, thể hiện bước chuyển từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu, từ gia tăng số lượng sang nâng cao chất lượng và hiệu quả.

- Con người - trung tâm của lực lượng sản xuất mới

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV tiếp tục khẳng định con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực số. Đây là sự phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của con người trong LLSX.

- Hạ tầng số và dữ liệu - tư liệu sản xuất đặc biệt

Trong nền kinh tế số, dữ liệu trở thành một loại tư liệu sản xuất đặc biệt, trong khi hạ tầng số giữ vai trò nền tảng của các phương thức sản xuất hiện đại. Đây là điểm khác biệt căn bản so với LLSX truyền thống.

- Khoa học, công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp

Không chỉ đóng vai trò hỗ trợ, khoa học, công nghệ ngày càng trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tạo ra các ngành kinh tế mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Thể chế - điều kiện quyết định giải phóng lực lượng sản xuất

Đảng ta nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và phát triển LLSX. Đây là sự vận dụng sáng tạo quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của LLSX.

Bảng so sánh lực lượng sản xuất cũ và mới

Tiêu chí	Lực lượng sản xuất cũ	Lực lượng sản xuất mới
Công cụ lao động	Hệ thống máy móc cơ khí, động cơ đốt trong, điện năng truyền thống vận hành thủ công hoặc bán tự động. Hiệu suất bị giới hạn bởi định luật vật lý và tiêu hao năng lượng lớn.	Hệ thống máy móc thông minh, công nghệ cao AI, Big Data, Internet vạn vật (IoT), tự động hóa thông minh. Công cụ lúc này không chỉ nối dài cánh tay (cơ bắp) mà còn nối dài trí não của con người.
Đối tượng lao động	Tài nguyên thiên nhiên hữu hình, hữu hạn, nguyên liệu thô (khoáng sản, đất đai); khai thác càng nhiều thì tài nguyên càng cạn kiệt.	Tập trung vào tài nguyên vô hình, vô hạn là dữ liệu (Big Data) và tri thức, vật liệu mới, năng lượng tái tạo; càng chia sẻ và sử dụng, giá trị của chúng càng tăng lên chứ không mất đi.
Người lao động	Người lao động chủ yếu là phụ thuộc vào máy móc. Đòi hỏi sự cặn cù, sức khỏe và kỹ năng thao tác lặp đi lặp lại (kỹ thuật dây chuyền), kỹ năng vận hành máy đơn giản.	Người lao động là chủ thể sáng tạo. Vai trò của trí tuệ và kỹ năng số trở thành quyết định. Họ không chỉ vận hành mà còn thiết kế, lập trình và kiểm soát hệ thống tự động; đòi hỏi trí tuệ, khả năng sáng tạo và làm chủ công nghệ phức tạp.
Khoa học, công nghệ	Hỗ trợ cải tiến sản xuất.	Khoa học, công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, kết tinh vào sản phẩm và quy trình. Các phát minh khoa học tạo ra những ngành sản xuất hoàn toàn mới (kinh tế số, kinh tế xanh) trước cả khi thị trường có nhu cầu.

Điểm khác biệt cốt lõi ở lực lượng sản xuất mới là tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khoa học không còn nằm trên giấy mà kết tinh thẳng vào sản phẩm và quy trình. LLSX mới mang tính toàn cầu nhờ mạng lưới Internet và chuỗi cung ứng số, thay đổi theo từng ngày nhờ tốc độ xử lý của máy tính.

2. Vận dụng vào giảng dạy phần học Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin thuộc chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị

Trên cơ sở nhận thức mới của Đảng về lực lượng sản xuất trong kỷ nguyên số, việc giảng dạy phần học Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin tại trường chính trị cần

được đổi mới theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, làm rõ sự vận động của các quy luật trong điều kiện mới. Trong quá trình giảng dạy phần học này, có thể vận dụng, lồng ghép một số nội dung sau:

Một là, trong giảng dạy nội dung “Lý luận hình thái kinh tế - xã hội”, cần làm nổi bật quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của LLSX trong bối cảnh số hóa. Điểm mới cần nhấn mạnh: LLSX hiện nay không chỉ là sự kết hợp giữa con người và công cụ lao động truyền thống mà còn là sự tích hợp giữa con người - công nghệ số - dữ liệu - trí tuệ nhân tạo. Chính sự phát triển mang tính đột phá này đang đặt ra yêu cầu tất yếu phải điều chỉnh quan hệ sản xuất theo hướng linh hoạt, hiện đại và phù hợp hơn. Với trình độ LLSX hiện nay mang tính tri thức hóa và xã hội hóa cao, thì quan hệ sản xuất không thể duy trì theo mô hình cứng nhắc mà phải được điều chỉnh linh hoạt trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối. Việc Đảng ta đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế số, xây dựng chính phủ số... chính là biểu hiện cụ thể của quá trình này.

Bên cạnh đó, cần vận dụng lý luận về hình thái kinh tế - xã hội để luận giải khái niệm kỷ nguyên vươn mình của dân tộc như một giai đoạn chuẩn bị cho bước chuyển biến về chất của xã hội Việt Nam. Sự thay đổi của lực lượng sản xuất (đặc biệt là công cụ lao động số) tất yếu sẽ kéo theo sự biến đổi trong quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng. Từ đó, hình thành những đặc trưng mới của xã hội trong thời kỳ phát triển.

Hai là, khi giảng dạy nội dung “Những nhiệm vụ kinh tế cơ bản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, cần luận giải sâu sắc hơn nội dung “phát triển lực lượng sản xuất” trong điều kiện mới. Đây không còn đơn thuần là phát triển công nghiệp theo chiều rộng, mà là phát triển LLSX mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Như vậy, nội dung lý luận

kinh điển được cụ thể hóa bằng đường lối phát triển hiện nay của Đảng, giúp học viên hiểu rõ bản chất và tính thời sự của vấn đề.

Ba là, đối với nội dung “Các mối quan hệ lớn cần nhận thức và giải quyết trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, khi phân tích nội dung, định hướng giải quyết mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất, giảng viên cần phân tích dưới góc nhìn mới. Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính... chính là quá trình chủ động điều chỉnh quan hệ sản xuất nhằm giải phóng và phát triển LLSX mới.

Bốn là, trong giảng dạy các nội dung “Phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức duy vật biện chứng”, giảng viên cần làm rõ quá trình phát triển trong nhận thức về lực lượng sản xuất từ nhận thức về công cụ lao động cơ khí đến nhận thức về công nghệ số, dữ liệu và tri thức như lực lượng sản xuất trực tiếp. Qua đó, giúp học viên thấy được tính lịch sử - cụ thể của nhận thức, cũng như vai trò của thực tiễn; đặc biệt, gắn với thực tiễn cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong việc thúc đẩy phát triển lý luận.

Năm là, đối với nội dung “Quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người”, cần được bổ sung và phát triển theo tinh thần Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Trong kỷ nguyên mới, con người không chỉ là lực lượng sản xuất hàng đầu mà còn là chủ thể sáng tạo trong môi trường số, là trung tâm của đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Vì vậy, bài giảng của giảng viên cần hướng đến việc nâng cao nhận thức của học viên về yêu cầu phát triển nguồn nhân lực số, năng lực tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với công nghệ mới.

Sáu là, trong các nội dung về “Ý thức, thực tiễn và vai trò của tri thức”, cần nhấn
(Xem tiếp trang 32)

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 988-QĐ/HVCTQG CỦA GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ThS Triệu Thị Phụng Chuyên

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo,
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

Quy chế hoạt động khoa học của trường chính trị ban hành kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị (sau đây gọi là Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG) là cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động của hội đồng khoa học các trường chính trị tỉnh, thành phố. Trên cơ sở Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, các trường cụ thể hóa thành quy chế phù hợp với đặc thù từng trường. So với Quy chế nghiên cứu khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG, ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG có nhiều điểm mới.

Thứ nhất, về bối cảnh ban hành Quy chế: Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG được ban hành vào thời điểm các trường chính trị tỉnh, thành phố đã hoàn thành việc hợp nhất sau sáp nhập tỉnh, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp. Đặc biệt, các địa phương và các trường chính trị tỉnh đang tập trung thực hiện xây dựng trường chính trị chuẩn theo Quy định số 396-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn; Hướng dẫn số 360-HD/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

về hướng dẫn, đánh giá công nhận trường chính trị đạt chuẩn và cụ thể hóa một số nội dung của quy định về trường chính trị chuẩn. Trong các tiêu chí trường chuẩn, nhóm tiêu chí về hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn gồm 8 chỉ tiêu. Với bối cảnh như vậy, Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG được ban hành góp phần quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động khoa học của các trường chính trị tỉnh, thành phố, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Thứ hai, về cấu trúc và dung lượng: Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG có 7 chương và 31 điều, nhiều hơn Quy chế kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG là 1 chương và 14 điều. Trong đó, Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG lược toàn bộ nội dung một chương về “Định mức và quy đổi kết quả nghiên cứu khoa học” (với 3 điều) chuyển sang Quy chế giảng viên. Việc chuyển nội dung như vậy là phù hợp, logic và thuận tiện cho việc tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm của giảng viên. Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG bổ sung hai chương mới gồm: Chương IV - Tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học (gồm 7 điều); Chương V - Xây dựng và thực hiện các chương trình, tài liệu bồi dưỡng thuộc thẩm quyền (gồm 3 điều). Bổ sung hai chương này nhằm bảo đảm quy định bao quát rộng hơn các hoạt động khoa học của trường chính trị tỉnh, giúp các trường chính trị thực hiện nhiệm vụ tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học, thực hiện chương trình,

tài liệu bồi dưỡng đảm bảo thuận lợi, với quy trình bài bản, thống nhất.

Thứ ba, về một số điểm khác biệt quan trọng gắn với bối cảnh mới. Nội dung bổ sung, phát triển tại Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG thể hiện rõ tinh thần nâng cao hơn nữa vai trò của các trường chính trị tỉnh trong hoạt động tổng kết thực tiễn và tư vấn chính sách cho địa phương; tinh thần phát triển hoạt động khoa học gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Cụ thể:

Tại Chương I, Điều 3 quy định các hoạt động khoa học gồm 10 khoản (tăng 02 khoản so với quy định kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG) cụ thể là khoản 3 “xây dựng báo cáo kiến nghị với tỉnh ủy, thành ủy, các cơ quan Trung ương từ kết quả hoạt động khoa học của trường”; khoản 7 “tổng kết thực tiễn phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn chính sách”. Bổ sung mới Điều 4 về nội dung nghiên cứu khoa học, quy định rõ nội dung nhiệm vụ tổng kết thực tiễn và nhiệm vụ khoa học. Tại Chương III có 6 điều (tăng 3 điều); trong đó, bổ sung Điều 14 về chuyển giao kết quả nghiên cứu của các đề án, đề tài, dự án khoa học các cấp, Điều 15 về xây dựng báo cáo kiến nghị với cấp có thẩm quyền từ kết quả thực hiện đề án, đề tài, dự án khoa học các cấp. Như vậy, Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG vừa đảm bảo kế thừa các quy định trước đó về chủ trọng tính ứng dụng của đề tài; đồng thời, bổ sung, nhấn mạnh ứng dụng theo hướng đề xuất kiến nghị về xây dựng chính sách.

Trong một số điều, khoản, diễn đạt đầy đủ cụm từ “hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”, chẳng hạn tại khoản a, khoản b, Điều 7. Nhiệm vụ của Hội đồng khoa học. Điều này, nhằm góp phần truyền tải tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để các trường

chính trị tỉnh, thành phố tích cực triển khai thực hiện.

Thứ tư, một số điểm mới của Quy chế nhằm tranh thủ tối đa nguồn chất xám, nâng cao chất lượng hoạt động khoa học của trường chính trị tỉnh. Tại Chương II - Hội đồng khoa học, Quy chế kèm theo Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG quy định rõ về thành phần Hội đồng. Theo đó, gắn với Quy định số 396-QĐ/TW về trường chính trị chuẩn, lãnh đạo trường và lãnh đạo khoa đều có học vị tiến sĩ tham gia thành viên Hội đồng. Ủy viên Hội đồng còn quy định “một số cán bộ nghiên cứu, giảng viên có trình độ tiến sĩ (bao gồm giảng viên thỉnh giảng). Tại Chương III, Điều 13 về thẩm định, nghiệm thu đề án, đề tài, dự án khoa học các cấp quy định thành viên Hội đồng nghiệm thu có điểm mới “có ít nhất 01 ủy viên phản biện là chuyên gia không thuộc biên chế của trường”. Như vậy, việc quy định rõ thành phần Hội đồng khoa học, trực tiếp hoặc gián tiếp gắn với học hàm, học vị của thành viên Hội đồng, cũng như mời chuyên gia không thuộc biên chế của trường sẽ tranh thủ được nguồn lực về chất xám và tính khách quan, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động khoa học của trường chính trị tỉnh, thành phố.

Ngoài những điểm mới căn bản như trên, các điều, khoản được chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với bố cục, cấu trúc và những nội dung mới cập nhật, bảo đảm chặt chẽ, logic.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị, trong đó có Quy chế hoạt động khoa học của trường chính trị một cách khắt khe, với những điều chỉnh, bổ sung quan trọng vừa thể hiện sự cụ thể hóa chủ trương đường lối của Đảng, vừa bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống các quy định mới đối với trường chính trị. Quy chế hoạt động khoa học của trường chính trị được ban hành là căn cứ để

(Xem tiếp trang 25)

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SÁNG KIẾN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Hứa Thị Minh Hồng

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Sáng kiến là một trong những yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên. Trong bối cảnh yêu cầu đổi mới ngày càng cao, việc nâng cao chất lượng sáng kiến không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển của Nhà trường.

Theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 13/2012/NĐ-CP, ngày 02/3/2012 của Chính phủ, sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được cơ sở công nhận khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có tính mới trong phạm vi cơ sở; đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực; không thuộc các trường hợp bị loại trừ theo quy định.

Việc đăng ký và thực hiện sáng kiến thể hiện tinh thần sáng tạo, sự gắn bó với nghề nghiệp và nỗ lực của mỗi cán bộ, công chức, viên chức. Các sáng kiến khi được công nhận và áp dụng vào thực tiễn sẽ mang lại hiệu quả rõ rệt trên nhiều lĩnh vực, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá thi đua, khen thưởng.

Hiện nay, công tác xét, công nhận sáng kiến cấp cơ sở tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên được thực hiện theo Quy chế số 17-QC/TCTr, ngày 27/3/2026. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, sáng kiến của Nhà trường chủ yếu tập trung vào hai nhóm: Giải pháp quản lý (như phương pháp tổ chức,

điều hành, kiểm tra, giám sát công việc) và giải pháp tác nghiệp (như phương pháp thực hiện thủ tục hành chính, công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tuyên truyền, đào tạo...).

Trong những năm qua, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, giảng viên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học. Hoạt động khoa học được triển khai đồng bộ với nhiều kết quả nổi bật: Tổ chức hàng chục hội thảo, tọa đàm khoa học các cấp; xuất bản nhiều ấn phẩm phục vụ đào tạo và nghiên cứu; triển khai, nghiệm thu các đề tài khoa học cấp trường, cấp tỉnh và phối hợp thực hiện đề tài cấp bộ.

Tuy nhiên, hoạt động sáng kiến tại Nhà trường vẫn còn một số hạn chế như: Việc đăng ký và triển khai sáng kiến mới được thực hiện trong khoảng 5 năm gần đây với số lượng còn ít; một số sáng kiến còn nặng về lý luận, chưa bám sát thực tiễn; số lượng sáng kiến có khả năng nhân rộng hoặc phát triển thành đề tài cấp cao hơn chưa nhiều, chủ yếu dừng lại ở phạm vi cải tiến nội bộ.

Nguyên nhân của những hạn chế trên xuất phát từ nhiều yếu tố. Một bộ phận cán bộ, giảng viên chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa của sáng kiến nên còn tâm lý e dè khi đăng ký thực hiện. Bên cạnh đó, kỹ năng nghiên cứu, tổng kết thực tiễn của một số giảng viên còn hạn chế, dẫn đến chất lượng sáng kiến chưa cao. Điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất và cơ chế khuyến khích chưa thực sự tạo động lực mạnh mẽ cho hoạt động sáng tạo.

Trong bối cảnh yêu cầu đổi mới và sáng tạo ngày càng cao, việc nâng cao chất lượng sáng kiến có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần trực tiếp nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, đồng thời gắn chặt với công tác thi đua, khen thưởng của Nhà trường. Để hiện thực hóa mục tiêu này, trong thời gian tới cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường vai trò tham mưu của Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện đăng ký và triển khai sáng kiến bảo đảm đúng quy trình, tiến độ và chất lượng.

Thứ hai, phát huy vai trò của lãnh đạo các khoa, phòng trong việc khuyến khích, động viên, tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên chủ động nghiên cứu, đề xuất các giải pháp sáng tạo gắn với nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sáng tạo; tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng kịp thời; đồng thời, có cơ chế hỗ trợ, ưu tiên đối với các sáng kiến có giá trị thực tiễn cao.

Thứ tư, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng sáng kiến; tăng cường phối hợp giữa các khoa, phòng chức năng nhằm bảo đảm việc xét, công nhận sáng kiến gắn với công tác thi đua, khen thưởng một cách khách quan, công bằng.

Thứ năm, chú trọng công tác phổ biến, nhân rộng sáng kiến; hỗ trợ triển khai áp dụng, đặc biệt đối với các sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi trong công tác quản lý, đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ sáu, tăng cường phát hiện, biểu dương các điển hình tiên tiến trong nghiên cứu và sáng tạo, qua đó lan tỏa tinh thần đổi mới trong toàn Nhà trường.

Có thể khẳng định, nâng cao chất lượng sáng kiến là yêu cầu cấp thiết nhằm hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn. Đồng thời, nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ tạo động lực thúc đẩy đội ngũ cán bộ, giảng viên tích cực nghiên cứu, sáng tạo, góp phần khẳng định vị thế và uy tín của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tổng kết thực tiễn tại địa phương./.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ, *Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 88/2017/NĐ-CP)*.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017)*.
3. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, *Quy chế số 17-QC/TCTr, ngày 27/3/2026 việc xét, công nhận sáng kiến cấp cơ sở*.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI TRONG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG...

(Tiếp theo trang 23)

hoạt động khoa học của các trường tiếp tục phát huy nền nếp đã đạt được. Đồng thời, đánh dấu bước phát triển trong hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường chính trị tỉnh, thành phố phù hợp bối cảnh và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của tình hình mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG, ngày 21/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bộ Quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bộ quy chế về công tác trường chính trị*.

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG VỀ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TRONG GIẢNG DẠY NỘI DUNG “THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT” Ở MÔN CHÍNH TRỊ CHÍNH TRỊ TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Thùy Dương

Phó Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, lực lượng sản xuất giữ vai trò quyết định đối với sự vận động và phát triển của phương thức sản xuất. Sự phát triển của lực lượng sản xuất không chỉ là động lực của tiến bộ xã hội mà còn là cơ sở để hình thành và hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, phát triển lực lượng sản xuất trở thành nhiệm vụ trung tâm nhằm tạo dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho xã hội mới. Thực tiễn phát triển của thế giới hiện đại, đặc biệt trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đang làm thay đổi sâu sắc các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất. Khoa học - công nghệ ngày càng trở thành động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở nhận thức đó, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa lấy khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia là động lực chính”⁽¹⁾.

Trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị, nội dung “Thực hiện phát triển lực lượng sản xuất” ở Bài 17 của môn Kinh tế chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối

với việc giúp người học hiểu rõ quy luật phát triển của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Việc vận dụng các quan điểm mới của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV về phát triển khoa học - công nghệ vào giảng dạy nội dung này sẽ góp phần làm rõ hơn giá trị lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời gắn kết lý luận với thực tiễn phát triển của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Trong học thuyết duy vật lịch sử, Các Mác khẳng định sản xuất vật chất là nền tảng của đời sống xã hội và sự phát triển lịch sử gắn liền với lực lượng sản xuất. Kế thừa quan điểm đó, V.I.Lênin nhấn mạnh năng suất lao động giữ vai trò quyết định đối với thắng lợi của chế độ xã hội mới. Vì vậy, trong thời kỳ quá độ, cần đẩy mạnh phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời, kế thừa các thành tựu khoa học, công nghệ của nhân loại. Điều này khẳng định khoa học, công nghệ là điều kiện và động lực then chốt trong xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kế thừa và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi phát triển lực lượng sản xuất là nhiệm vụ trung tâm của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người khẳng định: “Nhiệm vụ quan

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, H.2026, tập II, tr. 266-267.

trọng nhất của chúng ta là phải xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội²⁾, đồng thời nhấn mạnh vai trò của khoa học - kỹ thuật và con người trong quá trình này. Hồ Chí Minh cho rằng khoa học phải từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động và cải thiện đời sống của Nhân dân.

Như vậy, trong quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển lực lượng sản xuất gắn liền với ba yếu tố cơ bản: Phát triển khoa học - kỹ thuật, xây dựng cơ sở vật chất hiện đại và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đây chính là cơ sở lý luận để Đảng Cộng sản Việt Nam hoạch định đường lối phát triển đất nước trong từng giai đoạn lịch sử.

Ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960), Đảng ta đã xác định nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, coi cách mạng khoa học - kỹ thuật là khâu then chốt nhằm phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất. Qua các kỳ đại hội, quan điểm này tiếp tục được bổ sung và phát triển phù hợp với thực tiễn. Bước ngoặt quan trọng diễn ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) khi Đảng đề ra đường lối đổi mới, chuyển sang phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ đó đến nay, các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đều nhấn mạnh vai trò của khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực trong phát triển lực lượng sản xuất. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp”³⁾, đồng

thời khẳng định khoa học - công nghệ giữ vai trò then chốt trong phát triển lực lượng sản xuất hiện đại.

Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới gắn với khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV khẳng định lực lượng sản xuất mới, nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá chưa từng có, đồng thời xác định mô hình tăng trưởng mới “lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là động lực chính”⁴⁾.

Như vậy, qua các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc, quan điểm của Đảng về phát triển lực lượng sản xuất ngày càng hoàn thiện theo hướng nhấn mạnh vai trò của khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Đặc biệt, từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến nay, Đảng ta đã chuyển mạnh sang tư duy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; trong đó, khoa học, công nghệ trở thành động lực then chốt của tăng trưởng.

Hiện nay, quá trình toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ, lực lượng sản xuất đang có những biến đổi sâu sắc về chất. Các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất đều thay đổi: Người lao động chuyển từ lao động cơ học sang lao động tri thức, sáng tạo và có trình độ kỹ thuật cao; tư liệu lao động ngày càng gắn với công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, robot, dữ liệu lớn và điện toán đám mây; đối tượng lao động mở rộng sang dữ liệu, thông tin, sinh học và năng lượng sạch.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam cũng đứng trước yêu cầu phải phát triển lực lượng sản

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, H.2011, t.12, tr.412.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, H.2011, tr.70.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, H.2026, tập II, tr. 266-267.

xuất mới dựa trên khoa học, công nghệ. Một số lĩnh vực được xác định có tiềm năng chiến lược gồm trí tuệ nhân tạo tổng hợp (AGI), thương mại điện toán lượng tử và công nghệ năng lượng xanh như hydro xanh. Những lĩnh vực này không chỉ giúp nâng cao năng suất lao động mà còn góp phần nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Vì vậy, việc vận dụng quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng về khoa học, công nghệ vào giảng dạy nội dung “Thực hiện phát triển lực lượng sản xuất” ở Bài 17, môn Kinh tế chính trị trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Điều này không chỉ góp phần làm rõ vai trò của khoa học, công nghệ đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất trong bối cảnh hiện nay mà còn giúp người học nhận thức sâu sắc hơn về định hướng phát triển kinh tế của đất nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Do đó, quá trình giảng dạy cần chú trọng làm rõ và triển khai một số nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, làm rõ vai trò của khoa học, công nghệ trong phát triển lực lượng sản xuất. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần chủ động phân tích và làm rõ sự chuyển biến trong nhận thức lý luận khi khoa học, công nghệ từ chỗ chỉ là yếu tố hỗ trợ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội hiện đại. Giảng viên cần liên hệ với các chủ trương, đường lối của Đảng để giúp bài giảng có tính định hướng và cập nhật. Đồng thời, có thể lồng ghép các ví dụ thực tiễn tại tỉnh Thái Nguyên, nơi khoa học - công nghệ đang đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển công nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất điện tử và công nghệ cao tại các khu công nghiệp như Diêm Thụy, Yên Bình, Sông Công. Thông qua các dẫn chứng này, học viên có thể thấy rõ rằng khoa học, công

nghệ, dây chuyền sản xuất hiện đại và quản trị công nghiệp tiên tiến đang góp phần nâng cao năng suất lao động và thay đổi trình độ của lực lượng sản xuất ở địa phương.

Thứ hai, gắn lý luận về phát triển lực lượng sản xuất với thực tiễn đổi mới ở Việt Nam. Giảng viên cần tổ chức bài giảng theo hướng liên hệ giữa lý luận của kinh tế chính trị với những thành tựu thực tiễn của Việt Nam sau 40 năm đổi mới; đặc biệt, trong các lĩnh vực như chuyển đổi số, kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Thái Nguyên từ một địa phương chủ yếu dựa vào nông nghiệp sang phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, với sự hình thành các khu công nghiệp và thu hút nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực điện tử, cơ khí và công nghiệp hỗ trợ. Thông qua các dẫn chứng cụ thể, giảng viên giúp học viên hiểu rõ hơn quá trình vận động và phát triển của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế Việt Nam nói chung và tại địa phương nói riêng.

Thứ ba, nhấn mạnh vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong bối cảnh lực lượng sản xuất hiện đại, giảng viên cần định hướng cho học viên nhận thức rõ rằng con người, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ tri thức và năng lực sáng tạo cao, chính là yếu tố quyết định đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Thực tiễn tại Thái Nguyên cho thấy, sự phát triển của các khu công nghiệp, các doanh nghiệp công nghệ cao đã đặt ra yêu cầu ngày càng cao về lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng nghề nghiệp. Thông qua bài giảng, giảng viên cần khuyến khích tư duy sáng tạo, tinh thần học tập suốt đời và khả năng tiếp cận khoa học, công nghệ mới. Đối với học viên, cần nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân trong việc nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng và năng lực nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước và của địa phương trong thời kỳ mới.

Thứ tư, cập nhật các xu hướng khoa học, công nghệ mới trong nội dung giảng dạy. Giảng viên cần thường xuyên cập nhật những thành tựu và xu hướng phát triển mới của khoa học, công nghệ trên thế giới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ số, năng lượng xanh hay công nghệ lượng tử để làm phong phú nội dung bài giảng. Đồng thời, có thể liên hệ với định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số của tỉnh Thái Nguyên trong những năm gần đây. Điều này giúp bài học không chỉ mang tính lý luận mà còn phản ánh được sự vận động của lực lượng sản xuất trong thời đại công nghệ số. Học viên cần tích cực tìm hiểu, nghiên cứu và thảo luận các xu hướng công nghệ mới để mở rộng nhận thức và nâng cao khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Thứ năm, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng gắn lý luận với thực tiễn. Để nâng cao hiệu quả giảng dạy, giảng viên cần đổi mới phương pháp theo hướng phát huy tính tích cực và chủ động của người học, kết hợp giữa giảng giải lý thuyết với các phương pháp như thảo luận nhóm, phân tích tình huống, nghiên cứu trường hợp và liên hệ thực tiễn. Chẳng hạn, có thể yêu cầu học viên phân tích tác động của các khu công nghiệp, các doanh nghiệp công nghệ cao hoặc sự phát triển của kinh tế số đối với lực lượng sản xuất ở tỉnh Thái Nguyên. Qua đó, giúp học viên hiểu sâu sắc hơn quy luật phát triển của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đồng thời, nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào phân tích các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ sáu, giảng viên cần khẳng định vai trò động lực then chốt của khoa học, công nghệ trong sự nghiệp đổi mới, làm cơ sở lý luận và thực tiễn để phê phán, bác bỏ các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch.

Hiện nay, các đối tượng phản động thường lợi dụng những hạn chế khách quan để rêu rao rằng Việt Nam chỉ nhập khẩu công nghệ, đầu tư mang tính hình thức, kém hiệu quả hoặc ngân sách chi cho khoa học, công nghệ thấp... nhằm phủ nhận nỗ lực của quốc gia. Để đấu tranh phản bác hiệu quả, giảng viên cần làm rõ đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong việc xác định khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu. Đồng thời, đưa ra những minh chứng sống động, số liệu thuyết phục về thành tựu nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn tại Việt Nam nhằm khẳng định nhận thức đúng đắn và quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước. Việc kết hợp chặt chẽ giữa lập luận sắc bén và dẫn chứng thực tế chính là cơ sở để đập tan mọi quan điểm sai trái, thù địch, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

Những quan điểm của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ đã khẳng định rõ vai trò của tri thức, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao trong thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất. Thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có sự chuyển dịch mạnh mẽ của lực lượng sản xuất tại tỉnh Thái Nguyên, cho thấy khoa học, công nghệ ngày càng trở thành động lực quan trọng của tăng trưởng và phát triển. Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh, đất nước đang bước vào “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, trong đó khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữ vai trò then chốt. Vì vậy, việc gắn kết lý luận với thực tiễn trong giảng dạy không chỉ nâng cao hiệu quả giáo dục lý luận chính trị mà còn góp phần bồi dưỡng cho người học tư duy khoa học, tinh thần đổi mới và trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỌC VIÊN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Việt Hòa

*Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo,
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

Trong bối cảnh toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị đang đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương hai cấp và nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ cấp cơ sở, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị tại các trường chính trị tỉnh càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng không chỉ phụ thuộc vào nội dung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất mà còn gắn chặt với chất lượng công tác quản lý học viên - một trong những yếu tố quyết định để hình thành tác phong, thái độ, kỷ luật và hiệu quả học tập của mỗi học viên. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, công tác quản lý học viên tại các trường chính trị đã có nhiều chuyển biến tích cực; tuy nhiên, trước yêu cầu mới của cải cách hành chính, chuyển đổi số và chuẩn hóa trường chính trị theo Quy định số 396-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn; công tác này cần tiếp tục được đổi mới mạnh mẽ, bài bản và khoa học hơn. Vì vậy, việc không ngừng nâng cao chất lượng công tác quản lý học viên tại trường chính trị tỉnh là yếu tố quan trọng trước tiên góp phần thiết thực vào việc hoàn thiện mô hình quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng trường chính trị tỉnh ngày càng chính quy, thân thiện, hiện đại.

Đối với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, trong những năm qua, công tác quản lý học viên của Nhà trường đã và đang được triển khai tương đối nền nếp, hiệu quả, bám sát Quy chế đào tạo Trung cấp lý luận chính

trị, Quy chế quản lý hoạt động bồi dưỡng của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 6468-QĐ/HVCTQG, ngày 21/12/2021, nay là Quyết định số 988-QĐ/HVCTQG, ngày 20/3/2026 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và theo các nội quy, quy định nội bộ của Nhà trường. Điều này được thể hiện qua các yếu tố cơ bản: Từ công tác tuyển sinh, lập danh sách, xét tuyển đến công tác tiếp nhận, lập hồ sơ đầu khóa, phân công chủ nhiệm lớp, quản lý lớp học... được thực hiện bài bản, bảo đảm chặt chẽ và đúng quy định. Sự phối hợp giữa các phòng chức năng, khoa chuyên môn và chủ nhiệm lớp ngày càng thực hiện có hiệu quả, đáp ứng kịp thời các tình huống phát sinh trong quá trình học tập của học viên. Về phía học viên các lớp đào tạo, bồi dưỡng cơ bản có ý thức, tác phong, tinh thần học tập nghiêm túc; cầu tiến bộ, thực hiện tốt các nội quy, quy chế của Nhà trường cũng như bảo đảm các yêu cầu thực hiện về văn hóa trường Đảng. Các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề, nghiên cứu thực tế, trải nghiệm được tổ chức thường xuyên, thực hiện đúng nội dung, yêu cầu góp phần rèn luyện kỹ năng trong học tập, rèn luyện của học viên và gắn kết các thành viên trong cùng một lớp học.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, công tác quản lý học viên tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên vẫn còn một số hạn chế:

Thứ nhất, công tác quản lý hồ sơ, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện của học viên vẫn còn thủ công ở một số khâu, chưa đồng bộ dữ liệu số.

Thứ hai, còn một số ít học viên còn làm việc riêng, sử dụng điện thoại, laptop trong giờ học; đi học chưa đúng giờ vì phải xử lý các công việc cấp bách do yêu cầu của việc thực hiện công việc mới khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp.

Thứ ba, việc phối hợp giữa Nhà trường và cơ quan cử học viên đi học có lúc chưa thường xuyên, dẫn đến khó khăn trong quản lý học viên. Đặc biệt, học viên học lớp Trung cấp lý luận chính trị hệ không tập trung, học viên vừa đi học, vừa phải giải quyết, hoàn thành các công việc tại đơn vị, địa phương.

Thứ tư, công tác thanh tra, kiểm tra của Tổ kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng có lúc chưa thường xuyên; kế hoạch thanh tra chuyên đề, thanh tra đột xuất còn mang tính định tính, chưa có bộ tiêu chí lượng hóa rõ ràng.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân chính, đó là: Hiện nay Nhà trường chưa có hệ thống phần mềm quản lý học viên hiện đại, thống nhất, bảo đảm dữ liệu liên thông, phối hợp giữa các bộ phận như Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học đến lãnh đạo các khoa, chủ nhiệm lớp. Nguồn nhân lực dành cho công tác quản lý học viên còn mỏng, thiếu cán bộ chuyên trách về quản lý học viên. Một số học viên chịu ảnh hưởng áp lực công việc tại cơ quan do được giao nhiều nhiệm vụ trong một thời điểm nên khó bố trí thời gian tập trung học đầy đủ.

Từ thực trạng trên, để nâng cao chất lượng công tác quản lý học viên ở Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong thời gian tới, Nhà trường cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, chỉ bộ các khoa, phòng đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng; đặc biệt đối với việc thực hiện các quy chế, quy định hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Trên cơ sở các quy chế, quy định chung từ Học viện, Nhà trường

cụ thể hóa thành các hướng dẫn phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng học viên các lớp trong quản lý học viên.

Thứ hai, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo việc tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát của Tổ kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Việc kiểm tra không dừng lại ở việc thống kê số lượng học viên vắng tại buổi học mà cần yêu cầu báo cáo chi tiết các trường hợp vắng (có đơn xin phép, không có đơn xin phép) tính tại thời điểm thanh tra, là cơ sở xét duyệt điều kiện thi, kiểm tra khi hết môn, hết học phần và xét điểm rèn luyện cuối khóa.

Thứ ba, Phòng Quản lý đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học tích cực tham mưu cho Ban Giám hiệu Nhà trường bố trí viên chức tham gia chủ nhiệm lớp phù hợp, bảo đảm đúng tiêu chuẩn theo quy chế. Đồng thời, tiếp tục theo dõi, giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để chủ nhiệm lớp hoàn thành tốt nhiệm vụ trong từng khóa học.

Thứ tư, phát huy hơn nữa tinh thần trách nhiệm của giảng viên các khoa, phòng khi trực tiếp lên lớp giảng dạy trong công tác quản lý học viên. Giảng viên khi lên lớp thực hiện nghiêm túc việc điểm danh, nhận xét vào sổ theo dõi học tập qua từng buổi học. Sau mỗi buổi giảng, giảng viên ghi đầy đủ họ tên, lý do học viên nghỉ học có phép, không phép vào sổ theo dõi học tập; đồng thời, đối chiếu với dữ liệu từ hệ thống camera giám sát, phần mềm điểm danh nhận diện khuôn mặt để Nhà trường có căn cứ đánh giá điểm học tập và rèn luyện của học viên.

Thứ năm, tăng cường phát huy vai trò, trách nhiệm, tự ý thức của mỗi học viên và Ban cán sự lớp, nêu cao tinh thần tự quản của lớp học. Các thành viên Ban cán sự lớp, từ lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó phát huy vai trò tự quản, hỗ trợ chủ nhiệm lớp quản lý học viên. Kịp thời biểu dương những thành viên lớp học đã thực hiện nghiêm quản lý, duy trì tốt nề nếp học tập của lớp.

Thứ sáu, thường xuyên, tích cực ứng dụng chuyển đổi số vào hoạt động quản lý đào tạo, bồi dưỡng của Nhà trường. Từng bước hiện đại hoá việc quản lý học viên bằng triển khai sử dụng các phần mềm tiện ích phục vụ cho việc nhập dữ liệu, khai thác dữ liệu, quản lý học viên. Đẩy mạnh việc số hóa các bước trong quy trình quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý học viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên mà còn là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, khi Nhà trường đang hướng tới chuẩn hóa,

hiện đại hóa và hoàn thiện các tiêu chí của mô hình trường chính trị chuẩn theo Quy định số 396-QĐ/TW, ngày 06/01/2026 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn. Quản lý học viên tốt chính là nền tảng để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ của tỉnh có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt và năng lực công tác đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới trong phát triển kinh tế - xã hội tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đã đề ra./.

TƯ DUY ĐỘT PHÁ CỦA ĐẢNG VỀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT....

(Tiếp theo trang 21)

mạnh mẽ trong thời đại số, sức mạnh của lực lượng sản xuất không còn dựa chủ yếu vào lao động cơ bắp mà chuyển sang dựa vào hàm lượng tri thức và công nghệ. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ, làm chủ công nghệ. Từ đó, đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển mới.

Thực tiễn tại tỉnh Thái Nguyên cho thấy, việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), cùng với việc thu hút các tập đoàn công nghệ cao như Samsung đã góp phần thúc đẩy phát triển LLSX theo hướng hiện đại. Đây là minh chứng sinh động cho việc vận dụng quy luật trong thực tiễn địa phương.

Tóm lại, tư duy đột phá của Đảng về phát triển lực lượng sản xuất trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã khẳng định bước phát triển mới về nhận thức lý luận và định hướng thực tiễn trong bối cảnh chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Việc xác lập lực lượng sản xuất mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và con người số không chỉ kế thừa mà còn phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giảng dạy phân học “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin” cần được đổi mới theo hướng gắn lý luận với thực tiễn, làm rõ sự vận động của các quy luật trong điều kiện mới. Điều này, đòi hỏi giảng viên không ngừng cập nhật tri thức, đổi mới phương pháp, nâng cao tính thực tiễn và tính thuyết phục của bài giảng. Qua đó, góp phần hình thành đội ngũ cán bộ có tư duy biện chứng, năng lực sáng tạo và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên số./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
3. GS, TS Tô Lâm (2024), *Chuyển đổi số - động lực quan trọng phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới*, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.
4. Bộ Chính trị (2020), *Nghị quyết số 52-NQ/TW về chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG KỶ NGUYÊN MỚI - GÓC NHÌN TỪ THỰC TIỄN TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Tô Lan Hương

Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Theo quan điểm Triết học Mác - Lênin, lực lượng sản xuất là sự kết hợp giữa người lao động với tư liệu sản xuất, trong đó con người giữ vai trò trung tâm. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thể hiện ở trình độ khoa học, công nghệ, kỹ năng lao động và khả năng tổ chức sản xuất. Trong mọi giai đoạn lịch sử, lực lượng sản xuất luôn là yếu tố quyết định sự phát triển của xã hội. Khi lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng, sản phẩm xã hội dồi dào, đời sống Nhân dân được cải thiện. Ngược lại, nếu lực lượng sản xuất lạc hậu, xã hội khó có thể phát triển nhanh và bền vững.

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, nội hàm của lực lượng sản xuất đã thay đổi đáng kể. Nếu trước đây, yếu tố chủ yếu là sức lao động và công cụ sản xuất đơn giản, thì ngày nay, lực lượng sản xuất bao gồm cả tri thức, công nghệ số, dữ liệu và năng lực sáng tạo của con người. Điều này lý giải vì sao những địa phương biết phát triển khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực thường có tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững hơn.

Trong tiến trình phát triển của mỗi địa phương, có những giai đoạn đánh dấu bước chuyển mình mang tính bước ngoặt. Đối với tỉnh Thái Nguyên, bước ngoặt đó diễn ra rõ nét từ khi công nghiệp hiện đại, đặc biệt là công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghệ cao phát triển mạnh mẽ. Từ một tỉnh có cơ cấu kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và khai khoáng, Thái Nguyên đã vươn lên trở thành một trong những trung tâm công nghiệp quan trọng của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

Sự thay đổi đó không chỉ thể hiện ở tốc độ tăng trưởng kinh tế mà còn thể hiện ở quy mô sản xuất, cơ cấu kinh tế, thu nhập của người dân và vị thế của địa phương trong nền kinh tế quốc gia. Nhìn từ góc độ Triết học Mác - Lênin, có thể thấy rõ: Sự phát triển vượt bậc của tỉnh Thái Nguyên trong những năm gần đây chính là kết quả trực tiếp của sự phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đặc biệt là sự phát triển của khoa học, công nghệ, tư liệu sản xuất hiện đại và nguồn nhân lực chất lượng cao.

Để thấy rõ tính “vượt bậc” trong sự phát triển của tỉnh Thái Nguyên, có thể nhìn lại bức tranh kinh tế, xã hội của địa phương trước khi công nghiệp hiện đại phát triển mạnh, nhất là giai đoạn trước năm 2013. Khi đó, nền kinh tế của tỉnh chủ yếu dựa vào nông nghiệp, khai thác khoáng sản và một số ngành công nghiệp truyền thống với quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ chưa cao. Năng suất lao động nhìn chung thấp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, nguồn thu ngân sách của tỉnh còn hạn chế, đời sống một bộ phận người dân chưa thật sự ổn định. Không ít lao động, nhất là lao động trẻ, phải rời địa phương đến các tỉnh, thành phố lớn để tìm kiếm việc làm và thu nhập tốt hơn. Thực tế đó cho thấy, lực lượng sản xuất của tỉnh trong giai đoạn này đang ở trình độ thấp, việc ứng dụng khoa học, công nghệ còn hạn chế, quy mô và trình độ của tư liệu sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của địa phương.

Từ khi các dự án công nghiệp quy mô lớn được triển khai, đặc biệt là các dự án trong lĩnh vực chế biến, chế tạo và công nghệ

cao, lực lượng sản xuất của tỉnh đã có sự thay đổi căn bản, tạo nên bước chuyển mình mạnh mẽ trong phát triển kinh tế, xã hội. Chỉ trong hơn một thập kỷ, nhất là từ năm 2013, khi công nghiệp hiện đại phát triển mạnh, tỉnh Thái Nguyên đã đạt được những bước tiến rõ rệt. Quy mô nền kinh tế của tỉnh tăng nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng công nghiệp, dịch vụ; trong đó, công nghiệp giữ vai trò động lực chủ yếu. Những kết quả đạt được trong các năm gần đây, đặc biệt từ năm 2024 đến năm 2025 và trong quý I năm 2026, đã phản ánh rõ nét xu hướng phát triển mạnh mẽ của tỉnh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm 2024, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 20.403 tỷ đồng; năm 2025, con số này tăng lên 29.000 tỷ đồng, tăng 36% so với năm trước, đánh dấu mức thu ngân sách cao nhất từ trước đến nay. Bước sang 3 tháng đầu năm 2026, thu ngân sách nhà nước tiếp tục đạt 8.822 tỷ đồng, bằng 33,2% dự toán năm, cho thấy nền tảng tài chính của địa phương đang được củng cố vững chắc.

Song song với đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh cũng duy trì ở mức tích cực qua các năm. Năm 2024, GRDP của tỉnh tăng 6,33%; năm 2025, tốc độ tăng trưởng đạt 8,02% và trong quý I năm 2026, GRDP tăng 8,55%, phản ánh xu hướng phục hồi và phát triển ổn định của nền kinh tế địa phương. GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 115,95 triệu đồng/người/năm, tiếp tục khẳng định mức sống của người dân từng bước được cải thiện cùng với sự phát triển của sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Những số trên cho thấy rõ một thực tế: khi công nghiệp hiện đại phát triển và khoa học, công nghệ được ứng dụng sâu rộng vào sản xuất, lực lượng sản xuất của địa phương được nâng lên cả về quy mô và chất lượng. Từ đó, tạo ra sự thay đổi rõ rệt trong tăng trưởng kinh tế và đời sống xã hội.

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của sự phát triển lực lượng sản xuất tại tỉnh Thái Nguyên là sự phát triển mạnh mẽ của ngành công nghiệp trong những năm gần đây. Công nghiệp không chỉ tăng trưởng về quy mô mà còn thay đổi về chất, từng bước chuyển từ sản xuất truyền thống sang sản xuất hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và tự động hóa. Nhiều khu công nghiệp như Yên Bình, Diềm Thụy, Sông Công đã được đầu tư đồng bộ về hạ tầng, thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, tạo ra hàng chục nghìn việc làm và đóng góp lớn cho ngân sách địa phương. Đặc biệt, ngay từ những tháng đầu năm 2026, tỉnh đã tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư và trao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cho 31 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 4,4 tỷ USD; trong đó, có 8 dự án của doanh nghiệp nước ngoài với tổng vốn khoảng 1,5 tỷ USD, những con số này cho thấy sức hấp dẫn ngày càng lớn của môi trường đầu tư tại địa phương.

Không chỉ vậy, trong những tháng đầu năm 2026, Thái Nguyên đã vươn lên trở thành địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký mới đạt hơn 1,6 tỷ USD, tăng gấp nhiều lần so với cùng kỳ năm trước. Những kết quả này phản ánh xu hướng phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, đặc biệt trong các lĩnh vực điện tử, cơ khí chính xác và sản xuất linh kiện phục vụ các ngành công nghiệp mới như robot, thiết bị tự động hóa.

Cùng với công nghiệp, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số có sự đóng góp rất lớn cho phát triển của tỉnh. Khoa học, công nghệ không còn là công cụ hỗ trợ cho sản xuất và quản lý mà đã thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, tạo ra những thay đổi sâu sắc trong phương thức phát triển kinh tế, xã hội. Những năm gần đây, địa phương đã đẩy

mạnh chuyển đổi số trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, từng bước hình thành nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Năm 2024, tỷ trọng kinh tế số của Thái Nguyên đạt 35,5% GRDP, thuộc nhóm địa phương có mức phát triển kinh tế số cao trong cả nước; chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh tiếp tục duy trì trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu toàn quốc. Năm 2025, việc ứng dụng công nghệ số tiếp tục được mở rộng trong nhiều lĩnh vực như quản lý hành chính, sản xuất công nghiệp, thương mại điện tử và dịch vụ công trực tuyến. Toàn tỉnh đã cung cấp trên 90% dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến ngày càng tăng, giúp giảm đáng kể thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt, bước sang đầu năm 2026, Thái Nguyên tiếp tục triển khai nhiều nền tảng số trong điều hành và phát triển kinh tế, thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng công nghệ trong sản xuất và quản trị, qua đó nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động của nền kinh tế. Những kết quả này cho thấy, cùng với sự phát triển của công nghiệp hiện đại, khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng, góp phần trực tiếp tạo ra của cải vật chất và nâng cao chất lượng tăng trưởng của địa phương.

Song song với đó, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội cũng đã được tỉnh quan tâm đầu tư ngày càng đồng bộ. Nhiều tuyến đường giao thông được nâng cấp, mở rộng; cơ sở y tế, trường học, trung tâm thương mại và các thiết chế văn hóa được xây dựng mới, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân. Các khu đô thị mới, khu dân cư hiện đại phát triển nhanh, làm thay đổi diện mạo của cả khu vực đô thị và nông thôn. Những chuyển biến này cho thấy, khi lực lượng sản xuất phát triển, của cải xã hội được tạo ra nhiều hơn, từ đó tạo điều kiện để Nhà nước và địa phương đầu tư trở lại cho phúc lợi xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đang đặt ra một số vấn đề cấp bách cần được quan tâm giải quyết trong thời gian tới như: Chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều, đặc biệt ở khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, còn thiếu lao động có kỹ năng cao đáp ứng yêu cầu của sản xuất hiện đại. Hạ tầng ở một số địa bàn vẫn chưa theo kịp tốc độ đô thị hóa và phát triển công nghiệp; tình trạng quá tải cục bộ về giao thông, môi trường và dịch vụ công có xu hướng gia tăng tại các khu vực tập trung đông doanh nghiệp và dân cư. Ngoài ra, việc chuyển đổi sinh kế cho một bộ phận người dân khi đất nông nghiệp được chuyển sang phát triển công nghiệp và đô thị vẫn còn là thách thức cần có giải pháp đồng bộ, bền vững.

Từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên cho thấy, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất đã thúc đẩy những chuyển biến sâu sắc và toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội của địa phương. Những thành tựu cũng như những vấn đề đặt ra trong thực tiễn phát triển của tỉnh đều phản ánh đúng quy luật khách quan của sự phát triển xã hội: Khi lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, đời sống Nhân dân được cải thiện, xã hội tiến bộ hơn; đồng thời, chính sự phát triển đó cũng đặt ra những yêu cầu mới về quản lý, nguồn nhân lực và bảo đảm phát triển bền vững. Vì vậy, việc nhận diện đúng những hạn chế và chủ động khắc phục kịp thời sẽ là điều kiện quan trọng để địa phương tiếp tục phát triển nhanh, ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, muốn tạo ra bước phát triển vượt trội trong kỷ nguyên mới, tỉnh cần triển khai đồng bộ các giải pháp mang tính chiến lược; trong đó, phát triển công nghiệp công nghệ cao, nâng cao chất lượng nguồn nhân

(Xem tiếp trang 45)

QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI TƯ DUY CỦA ĐẢNG VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

ThS Lê Chí Trung

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, văn hóa ngày càng giữ vai trò chiến lược, vừa là nền tảng tinh thần, vừa là nguồn lực nội sinh quan trọng đối với phát triển bền vững quốc gia. Ở Việt Nam, từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới, Đảng luôn coi trọng việc nâng cao nhận thức lý luận và thực tiễn về vai trò của văn hóa trong xây dựng và bảo vệ đất nước. Tuy nhiên, việc cụ thể hóa các quan điểm, đường lối văn hóa vào thực tiễn vẫn còn những hạn chế, khiến các giá trị văn hóa chưa được phát huy đầy đủ. Do đó, việc nghiên cứu quá trình đổi mới tư duy của Đảng về văn hóa trong thời kỳ đổi mới là rất cần thiết, góp phần đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện chính sách văn hóa, hướng tới phát triển toàn diện và bền vững đất nước.

Theo UNESCO, văn hóa là tổng thể sống động các hoạt động và sáng tạo trong quá khứ và hiện tại. Qua các thế kỷ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên một hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu - những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc. Dưới góc độ triết học, Các Mác cho rằng, “văn hóa là hoạt động sáng tạo tích cực của con người trong các lĩnh vực sản xuất vật chất và tinh thần, nhằm phát triển bản chất người”⁽¹⁾. Theo C.Mác, văn hóa không phải là thứ tách biệt mà luôn gắn liền với quá trình con người tự hoàn thiện, nâng cao và thể hiện rõ bản chất người. Như vậy, các quan niệm này đều khẳng định vai trò trung tâm của con người trong sáng tạo và phát triển văn hóa.

Kế thừa và phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh

đã đưa ra cách tiếp cận toàn diện về văn hóa: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”⁽²⁾. Cách tiếp cận của Bác đã nhấn mạnh động lực thúc đẩy văn hóa chính là nhu cầu sinh tồn và khát vọng sống của con người; từ đó, lý giải sự hình thành và phát triển của văn hóa dựa trên thực tiễn đời sống. Quan điểm này đã góp phần làm rõ tính thiết thực và khả năng thấm thấu sâu rộng của văn hóa trong sinh hoạt thường nhật.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy của Đảng khi lần đầu tiên đặt vấn đề đổi mới toàn diện; trong đó, văn hóa được nhìn nhận như một mặt trận quan trọng, gắn với đổi mới tư duy. Đại hội xác định nhiệm vụ: “Ổn định tình hình kinh tế - xã hội bao gồm ổn định và phát triển sản xuất, ổn định phân phối, lưu thông, ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân...”⁽³⁾, định hướng văn hóa từng bước gắn liền với phát triển kinh tế, chính trị. Trong các năm tiếp sau đó, Đảng ngày càng hoàn thiện hơn trong việc nhận thức về vai trò quan trọng của văn hóa. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 4 khóa VII, Đảng ta đã khẳng định rõ: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”⁽⁴⁾. Quan điểm này

thể hiện một bước phát triển trong nhận thức, khi văn hóa không còn chỉ là đích đến mà còn được nhìn nhận như một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng được hoàn thiện theo hướng toàn diện hơn. Văn hóa không chỉ được xác định là một lĩnh vực quan trọng mà còn được nâng lên thành nền tảng tinh thần của xã hội, đồng thời là mục tiêu và động lực của phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển này cho thấy, bước chuyển từ nhận thức đơn chiều sang nhận thức biện chứng về vai trò của văn hóa. Nghị quyết Trung ương 9, khóa XI đã đánh dấu bước phát triển quan trọng khi khẳng định văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế và chính trị: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”⁽⁵⁾. Quan điểm này thể hiện sự thay đổi căn bản trong tư duy phát triển, coi văn hóa không chỉ là yếu tố hỗ trợ mà là một trụ cột cấu thành mô hình phát triển bền vững.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ: “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân”⁽⁶⁾. Điều này phản ánh hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và văn hóa; trong đó, kinh tế đóng vai trò nền tảng, còn văn hóa giữ vai trò động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội một cách toàn diện. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của văn hóa trong chiến lược phát triển bền vững đất nước và nhấn mạnh: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở

thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”. Đồng thời, Văn kiện cũng đề cập đến việc phát huy sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam, coi đó là nguồn lực quan trọng cho hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Như vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục phát triển nhận thức khi nhấn mạnh vai trò của văn hóa như một nguồn lực nội sinh và sức mạnh mềm của quốc gia. Điều này thể hiện qua việc thúc đẩy công nghiệp văn hóa, ngoại giao văn hóa và xây dựng hình ảnh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hoá Việt Nam đưa ra quan điểm chỉ đạo:

Một là, phát triển văn hoá, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn, trụ cột, hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Các giá trị văn hoá phải được gắn kết chặt chẽ, hài hoà, thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, từ chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường tới quốc phòng, an ninh, đối ngoại, thực sự trở thành sức mạnh mềm của quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Hai là, phát triển văn hoá vì sự hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới và xây dựng con người để phát triển văn hoá. Tạo lập môi trường văn hoá nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại. Phát triển toàn diện văn hoá, con người Việt Nam trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; phát huy truyền thống yêu nước, bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần tự chủ, tự cường dân tộc, đề cao đạo đức, tài năng, sức sáng tạo và khát vọng cống hiến vì sự phồn vinh, văn minh, hạnh phúc của Nhân dân và sự phát triển mạnh mẽ của dân tộc Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Ba là, phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân là chủ thể sáng tạo và thụ hưởng, đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ văn hoá, doanh nhân đóng vai trò quan trọng, đồng thời đề cao tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Sự nghiệp phát triển văn hoá vừa có ý nghĩa chiến lược, lâu dài, đồng thời cũng là yêu cầu cấp bách, cần được tiến hành chủ động, tích cực, sáng tạo, kiên trì, thường xuyên và phù hợp với điều kiện thực tế khách quan.

Bốn là, đầu tư cho văn hoá là đầu tư cho phát triển bền vững đất nước, cho tương lai của dân tộc. Đổi mới căn bản, toàn diện tư duy về huy động mọi nguồn lực để phát triển văn hoá, trong đó nguồn lực nhà nước giữ vai trò dẫn dắt nguồn lực xã hội, khu vực tư nhân là động lực quan trọng; thể chế đóng vai trò then chốt, nhất là cơ chế, chính sách đột phá để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho văn hoá, thu hút, trọng dụng nhân tài. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tạo dựng không gian mới, xung lực mới cho phát triển văn hoá.

Năm là, phát huy tối đa giá trị và sức mạnh văn hoá, con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới; nhận thức và xử lý hài hoà, hiệu quả các mối quan hệ nội tại của văn hoá: Giữa “xây” và “chống”; truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế; bảo tồn và phát triển; đại chúng và bác học; đời sống thực và không gian số; dữ liệu mở và bảo đảm an ninh, chủ quyền văn hoá số.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đã nhìn nhận, đánh giá thực trạng xây dựng, phát triển văn hóa, xã hội và con người Việt Nam trong thời gian qua và đưa ra năm nội dung về phát triển văn hoá.

Thứ nhất, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục phát triển quan điểm của Đại hội đại biểu

toàn quốc lần thứ XII và XIII theo hướng coi phát triển con người và văn hóa là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ. Đồng thời, nhấn mạnh văn hóa không chỉ là mục tiêu mà còn là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển: “văn hóa là nền tảng tinh thần, mục tiêu, động lực, sức mạnh nội sinh quan trọng trong phát triển nhanh và bền vững đất nước, là “tài nguyên”, “sức mạnh mềm” của quốc gia”⁽⁷⁾. Cách tiếp cận này cho thấy sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức về vị trí của văn hóa trong mô hình phát triển quốc gia.

Thứ hai, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, nội dung này được nhấn mạnh như một nền tảng định hướng cho việc xây dựng môi trường văn hóa và phát triển con người Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”⁽⁸⁾.

Thứ ba, nhấn mạnh yêu cầu xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong toàn xã hội, như: gia đình, trường học, cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư.

Thứ tư, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV đề ra 5 nhóm quan điểm chỉ đạo xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới, trong đó có nhiều nội dung thể hiện sự đổi mới, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu thời đại: “Phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng, phát triển văn hóa, con người là nền tảng, nguồn lực nội sinh, động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên”⁽⁹⁾.

Thứ năm, gắn phát triển văn hóa chặt chẽ hơn với khát vọng phát triển đất nước và sức mạnh mềm quốc gia. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV nhấn mạnh việc khơi dậy

mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

Để văn hóa thực sự trở thành động lực và nền tảng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước, cần triển khai một số giải pháp đồng bộ như sau:

Thứ nhất, cần tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách văn hóa, cụ thể hóa các chiến lược quốc gia về phát triển văn hóa gắn liền với định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ hai, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa chiến lược của văn hóa đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Cần tăng cường công tác giáo dục, truyền thông sâu rộng trong toàn xã hội nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức đúng đắn về vị trí then chốt của văn hóa trong quá trình phát triển đất nước.

Thứ ba, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, bảo đảm có đủ năng lực, trách nhiệm, am hiểu thực tiễn văn hóa từng địa phương. Cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và hiểu rõ đặc thù văn hóa ở từng vùng miền để nâng cao hiệu quả công tác.

Thứ tư, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng văn hóa, nhất là ở các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Đẩy mạnh việc xây dựng và cải thiện các thiết chế văn hóa cơ sở, đặc biệt chú trọng các địa bàn khó khăn, bảo đảm người dân ở mọi vùng miền đều được tiếp cận văn hóa.

Thứ năm, cần tạo lập cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả các chính sách văn hóa, bảo đảm các chủ trương của Đảng đi vào thực tế đời sống Nhân dân một cách hiệu quả, thực chất. Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát đồng bộ, khách quan để bảo đảm rằng các định hướng văn hóa của Đảng được

thực thi nghiêm túc và mang lại kết quả cụ thể trong xã hội.

Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về văn hóa từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV cho thấy nhận thức của Đảng về văn hóa ngày càng sâu sắc và toàn diện. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta xác định văn hóa là nền tảng, động lực và nguồn lực nội sinh của phát triển bền vững. Những kết quả này có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng hoàn thiện chính sách văn hóa, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ mới. Để văn hóa thực sự thấm sâu vào đời sống xã hội, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách và giải pháp cụ thể. Điều này, đòi hỏi sự đồng thuận và nỗ lực từ tất cả các cấp, ngành và toàn xã hội nhằm phát huy tối đa sức mạnh nội sinh của văn hóa, góp phần nâng cao vị thế quốc gia trong tiến trình hội nhập.

Tài liệu tham khảo

1. C.Mác & Ph.Ăng-ghen, *Toàn tập*, 2000, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tr.136,137.
2. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, Tr.158.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Chính trị quốc gia. Tr. 214.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1993), *Nghị quyết số 04-NQ/HNTW, Hội nghị lần thứ tư về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt*.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/HNTW, Hội nghị lần thứ chín về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr. 299.
- 7, 8, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.t.II, Sdd, tr. 51-52, 378, 259.

TỪ NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ ĐẾN THỰC TIỄN PHONG TRÀO “ BÌNH DÂN HỌC VỤ SỐ ” Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Đàm Thùy Dương
Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của chuyển đổi số, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW). Trong đó, xác định nội dung, biện pháp quan trọng là: “Triển khai sâu rộng phong trào học tập số, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân...”⁽¹⁾. Trên cơ sở nhận thức sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai đồng bộ, sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, tạo chuyển biến rõ nét trong nâng cao dân trí số, phổ cập kỹ năng số cho người dân.

1. Những định hướng cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong lĩnh vực chuyển đổi số

Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định chuyển đổi số quốc gia cùng với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới. Nghị quyết đặt ra mục

tiêu đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 là: Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Quy mô kinh tế số của Việt Nam đạt tối thiểu 50% GDP; Việt Nam là một trong các trung tâm công nghiệp công nghệ số của khu vực và thế giới; thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về chuyển đổi số. Đồng thời, thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu vào năm 2045. Để đạt được những mục tiêu đó, Nghị quyết yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cần nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, người đứng đầu phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số. Đồng thời, triển khai sâu rộng phong trào “*học tập số*”, phổ cập, nâng cao kiến thức số trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

2. Thực tiễn Phong trào “Bình dân học vụ số” ở tỉnh Thái Nguyên

Từ những định hướng mang tính chiến lược về chuyển đổi số trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, tỉnh Thái Nguyên đã xác định chuyển đổi số và Phong trào “Bình dân học vụ số” là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá. Ngay sau khi họp nhất tỉnh theo Nghị quyết của Quốc hội, Thái Nguyên đã triển

khai sâu rộng và đồng bộ phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn toàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành đầy đủ, kịp thời hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo. Đồng thời, thành lập tổ công tác triển khai phong trào, phân công nhiệm vụ rõ ràng, bảo đảm sự thống nhất, xuyên suốt từ tỉnh đến cơ sở. Cụ thể như: Kế hoạch số 02-KH/BCĐ ngày 22/5/2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”; Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 24/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 18-KH/ĐU ngày 24/9/2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”. Trên cơ sở đó, “Ngày hội toàn dân học tập số” được triển khai, lồng ghép vào kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia (10/10) hằng năm, kết hợp giữa các hoạt động trực tuyến và trực tiếp tại các địa phương với các hình thức như: Tổ chức các hội thảo, tọa đàm và hội nghị; trải nghiệm và hướng dẫn sử dụng các nền tảng, dịch vụ số, lớp học số cho cộng đồng. Cùng đó, công tác tập huấn về phong trào cũng được quan tâm, thực hiện. Trong năm 2025, tỉnh đã mở 03 khóa tập huấn công nghệ thông tin, chuyển đổi số nâng cao cho cán bộ, công chức, viên chức; 02 lớp đào tạo kỹ năng số cho công nhân, người lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn với 600 người tham gia. Tính đến cuối năm 2025, tất cả các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cập nhật, nâng cao hiểu biết về chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức và tham gia và chương trình bình dân học AI với sự tham gia của 28.056 người. Tỷ lệ các

thôn, bản trên địa bàn định kỳ tổ chức các buổi học cộng đồng cho người dân về chuyển đổi số, kỹ năng số và tỷ lệ các thôn, bản trên địa bàn thành lập tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai Phong trào đạt 100%; số người dân, hộ gia đình đã được tổ công nghệ số cộng đồng tới tận nhà phổ cập kỹ năng số là 1.011.082 người. Mô hình “Chợ số - Nông thôn số” được tổ chức thực hiện, điển hình là: Đào tạo tiểu thương, nông dân và người dân khu vực nông thôn qua mô hình học tập 4T (Tiểu thương - Thương mại điện tử - Thanh toán không dùng tiền mặt - Tiết kiệm số), giúp người học nắm vững các kỹ năng, sử dụng công nghệ, nền tảng số trong công việc kinh doanh.

Qua quá trình triển khai, tổ chức thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số”, đến nay tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc đạt trên 82%. Tỷ lệ học sinh trung học và sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số đạt 100%. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành có tri thức cơ bản về chuyển đổi số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh để khai thác thông tin, sử dụng nền tảng, dịch vụ số thiết yếu, biết bảo vệ bản thân trên môi trường số đạt khoảng 95%. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành được xác nhận đạt phổ cập tri thức về chuyển đổi số, kỹ năng số trên nền tảng VNeID tính đến ngày 05/11/2025 đã thu nhận, kích hoạt tổng số: 1.124.182 / 1.370.708 trường hợp đạt tỷ lệ 82,0%. Tỷ lệ người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số,

sử dụng được thiết bị thông minh để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động đạt 85%. Những kết quả đó có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành văn hóa số, công dân số và nâng cao năng lực số toàn dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, Phong trào “Bình dân học vụ số” ở tỉnh Thái Nguyên vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: Một bộ phận người dân chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của chuyển đổi số và vẫn còn tâm lý e ngại, ảnh hưởng đến tốc độ phổ cập; hạ tầng, thiết bị số (thiết bị truy cập Internet, điện thoại thông minh, máy tính bảng, dữ liệu một số ngành, lĩnh vực chưa được chuẩn hóa); nguồn nhân lực hỗ trợ chuyển đổi số tại chỗ còn mỏng, nhiều nơi thiếu nhân sự có khả năng “cầm tay chỉ việc”... Trong thời gian tới, để tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của Phong trào “Bình dân học vụ số” ở tỉnh Thái Nguyên cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường tuyên truyền sâu rộng trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng và lợi ích thiết thực của việc học tập chuyển đổi số. Qua đó, từng bước hình thành phong trào học tập tự nguyện, rộng khắp, hướng đến xây dựng xã hội học tập và công dân số.

Thứ hai, cần đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở vật chất và các thiết chế hạ tầng (như: Máy tính, thiết bị truy cập internet, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu...) và những điều kiện bảo đảm thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số”.

Thứ ba, phát triển và nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác chuyển đổi số, phát huy vai trò của tình nguyện viên số và tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng AI theo hướng chuyên sâu, ứng dụng trong các lĩnh vực cụ thể, đặc biệt ưu tiên phát triển chương trình tới 37 xã phía Bắc của tỉnh.

Thứ năm, tiếp tục lan tỏa, đẩy mạnh triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” theo hướng sâu rộng, hiệu quả, tập trung vào ba trọng tâm: Phổ cập kiến thức - phát triển kỹ năng - xây dựng cộng đồng số địa phương. Nhân rộng các mô hình, cách làm hay, hiệu quả trong việc triển khai phong trào.

Có thể thấy, phong trào “Bình dân học vụ số” ở tỉnh Thái Nguyên trong thời gian qua đã đạt được triển khai đồng bộ, sâu rộng và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Phong trào có sức lan tỏa mạnh mẽ, trở thành ngày hội để mỗi người có thể chia sẻ, hỗ trợ, tương tác, giúp đỡ nhau về công nghệ số, góp phần nhanh chóng hoàn thành các mục tiêu của Nghị quyết số 57-NQ/TW đã xác định. Đồng thời, phong trào còn góp phần quan trọng trong nâng cao năng lực số của người dân, thúc đẩy chuyển đổi số từ cơ sở và tạo nền tảng quan trọng cho xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại tỉnh Thái Nguyên./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*
2. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Kế hoạch số 02-KH/BCĐ, ngày 22/5/2025 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số”.*
3. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 24/6/2025 về triển khai thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.*
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Báo cáo kết quả triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” tỉnh Thái Nguyên năm 2025.*

BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM Ở CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ - THỰC TIỄN VÀ HƯỚNG ĐỔI MỚI

ThS Trần Thu Trang

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Việc chuyển đổi từ mô hình quản lý nhân sự dựa trên “chức danh, thâm niên” sang quản lý theo “vị trí việc làm gắn với kết quả đầu ra” ở Việt Nam hiện nay không chỉ là sự điều chỉnh về phương thức quản lý mà còn là yêu cầu tất yếu trong đổi mới tư duy hành chính đối với công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức. Sự chuyển đổi này nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động công vụ; theo đó, việc đánh giá, sử dụng công chức phải căn cứ vào mức độ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Trên thực tế, phương thức đào tạo, bồi dưỡng công chức ở nước ta từ trước đến nay chủ yếu được tổ chức theo ngạch, bậc hoặc theo chương trình chung, dẫn đến tình trạng nội dung đào tạo, bồi dưỡng còn dàn trải, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của từng vị trí việc làm cụ thể. Điều này làm giảm hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng, đồng thời gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc đánh giá đúng năng lực và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của công chức. Thực trạng này đã được nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước chỉ ra, như Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành “Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030” và Quyết định số 1659/QĐ-TTg, ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ

cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 - 2030”. Trong đó, đều nhấn mạnh yêu cầu chuyển mạnh từ đào tạo, bồi dưỡng theo ngạch, bậc sang phát triển năng lực gắn với vị trí việc làm.

Trong bối cảnh mới hiện nay, bồi dưỡng theo vị trí việc làm được xem là một hướng tiếp cận phù hợp nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên. Phương thức này được xây dựng trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và khung năng lực của từng vị trí công tác. Trên cơ sở đó, nội dung bồi dưỡng được thiết kế theo hướng tập trung, thiết thực, gắn với yêu cầu thực tiễn công việc.

Các trường chính trị với chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức tại địa phương đã từng bước tiếp cận và triển khai bồi dưỡng theo vị trí việc làm. Nội dung chương trình bước đầu được điều chỉnh theo hướng tăng cường tính thực tiễn, chú trọng kỹ năng xử lý công việc hành chính; một số phương pháp giảng dạy tích cực như thảo luận, phân tích tình huống đã được đưa vào áp dụng.

Bên cạnh đó, hoạt động nghiên cứu thực tế, đi cơ sở của giảng viên và học viên được chú trọng hơn, góp phần từng bước gắn kết giữa lý luận với thực tiễn công vụ. Việc sử dụng các tình huống thực tiễn trong giảng dạy, như xử lý khiếu nại hành chính, giải quyết các vấn đề phát sinh ở cơ sở, đã bước đầu nâng cao khả năng vận dụng kiến thức của học viên.

Tuy nhiên, việc triển khai bồi dưỡng theo vị trí việc làm tại các trường chính trị vẫn còn những hạn chế đáng chú ý. Chương trình bồi dưỡng chưa được thiết kế một cách

hệ thống theo khung năng lực của từng vị trí việc làm; nội dung trong nhiều trường hợp vẫn mang tính chung, chưa thực sự gắn chặt với yêu cầu cụ thể của công việc. Phương pháp giảng dạy tuy đã có đổi mới nhưng chưa đồng đều; việc áp dụng các phương pháp tích cực còn mang tính cục bộ. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng chủ yếu vẫn dựa vào kiến thức lý thuyết, chưa phản ánh đầy đủ năng lực thực thi công vụ của học viên.

Đặc biệt, sự phối hợp giữa trường chính trị với các cơ quan sử dụng công chức trong việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng còn chưa chặt chẽ. Việc tham gia của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có kinh nghiệm thực tiễn vào hoạt động giảng dạy, trao đổi còn hạn chế, chưa phát huy hết vai trò bổ sung tri thức thực tiễn cho chương trình bồi dưỡng.

Những hạn chế trên cho thấy, mặc dù đã có những chuyển biến bước đầu, song công tác bồi dưỡng theo vị trí việc làm tại các trường chính trị vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới quản lý công vụ. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục hoàn thiện một cách đồng bộ từ chương trình, phương pháp đến cơ chế tổ chức thực hiện.

Từ những vấn đề đặt ra trong thực tiễn, việc đổi mới chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm cần được triển khai theo các định hướng sau:

Thứ nhất, cần hoàn thiện chương trình bồi dưỡng theo khung năng lực vị trí việc làm. Việc xây dựng chương trình phải dựa trên cơ sở phân tích cụ thể yêu cầu của từng vị trí công tác, bảo đảm nội dung bồi dưỡng có trọng tâm, tránh dàn trải. Đồng thời, chương trình cần được cập nhật thường xuyên gắn với yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước tại địa phương.

Thứ hai, cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực. Việc giảng dạy không chỉ dừng lại ở truyền đạt

kiến thức mà phải hướng tới hình thành kỹ năng và năng lực thực thi công vụ. Do đó, cần mở rộng và chuẩn hóa việc áp dụng các phương pháp như phân tích tình huống, mô phỏng, thảo luận nhóm, bảo đảm tính đồng bộ và hiệu quả trong toàn bộ chương trình.

Thứ ba, công tác kiểm tra, đánh giá cần được đổi mới theo hướng thực chất. Việc đánh giá phải gắn với sản phẩm đầu ra cụ thể và khả năng vận dụng vào công việc, qua đó phản ánh đúng năng lực của học viên sau bồi dưỡng. Đồng thời, cần tăng cường sự liên thông giữa cơ sở đào tạo với cơ quan sử dụng công chức trong việc sử dụng kết quả đánh giá.

Thứ tư, cần chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên. Giảng viên cần được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu thực tiễn, đi cơ sở, cập nhật kiến thức mới về quản lý nhà nước, từ đó nâng cao chất lượng và tính thực tiễn của bài giảng.

Thứ năm, việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong đào tạo, bồi dưỡng là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao tính linh hoạt, hỗ trợ người học chủ động tiếp cận tri thức và nâng cao hiệu quả quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

Thứ sáu, cần tăng cường mời giảng viên là lãnh đạo, quản lý có kinh nghiệm thực tiễn tham gia giảng dạy, trao đổi tại các lớp bồi dưỡng. Đây là giải pháp quan trọng nhằm bổ sung tri thức thực tiễn, giúp học viên tiếp cận trực tiếp với kinh nghiệm xử lý công việc và các vấn đề phát sinh trong quản lý nhà nước. Đồng thời, hoạt động này còn góp phần tăng cường mối liên kết giữa trường chính trị với các cơ quan quản lý, bảo đảm nội dung bồi dưỡng bám sát yêu cầu thực tiễn. Để triển khai hiệu quả, cần có kế hoạch phối hợp cụ thể, lựa chọn nội dung trao đổi phù hợp và tổ chức theo hướng thiết thực, tránh hình thức.

Đổi mới bồi dưỡng công chức theo vị trí việc làm là yêu cầu tất yếu trong tiến trình hiện đại hóa nền công vụ, lấy kết quả thực thi

nhiệm vụ làm thước đo năng lực. Thực tiễn tại các trường chính trị cho thấy đã có những chuyển biến bước đầu, song vẫn còn những hạn chế về chương trình, phương pháp và cơ chế phối hợp cần tiếp tục hoàn thiện. Vì vậy, cần đổi mới theo hướng gắn chương trình bồi dưỡng với khung năng lực vị trí việc làm, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh

giá theo hướng thực chất; đồng thời, tăng cường sự tham gia của đội ngũ lãnh đạo, quản lý có kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động giảng dạy. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao năng lực đội ngũ công chức, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả./.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT...

(Tiếp theo trang 35)

lực và hoàn thiện thể chế giữ vai trò then chốt. Công nghiệp hiện đại, đặc biệt là các ngành điện tử, cơ khí chính xác, tự động hóa và công nghệ số, phải tiếp tục được xác định là động lực chủ yếu của tăng trưởng, là nền tảng để nâng cao năng suất lao động và giá trị gia tăng của nền kinh tế. Tuy nhiên, công nghệ dù hiện đại đến đâu cũng không thể phát huy hiệu quả nếu thiếu con người có tri thức, kỹ năng và kỷ luật lao động. Vì vậy, đầu tư cho giáo dục, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy chuyển đổi kỹ năng cho lao động nông thôn cần được xem là giải pháp trung tâm, lâu dài. Đồng thời, việc cải cách thủ tục hành chính, xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, ổn định và thuận lợi cho doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện để các nguồn lực xã hội được huy động và sử dụng hiệu quả hơn. Khi công nghiệp công nghệ cao phát triển, nguồn nhân lực được nâng cao và thể chế được hoàn thiện, lực lượng sản xuất sẽ được nâng lên cả về quy mô và chất lượng. Từ đó, không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững mà còn tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong đời sống văn hóa, xã hội, góp phần khẳng định vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với sự phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

Từ thực tiễn phát triển của Thái Nguyên có thể khẳng định, trong kỷ nguyên mới, lực lượng sản xuất giữ vai trò quyết định đối với tốc độ và chất lượng phát triển của địa phương. Sự chuyển mình mạnh mẽ của công nghiệp, khoa học, công nghệ và nguồn nhân lực đã chứng minh rằng khi lực lượng sản xuất được phát huy đúng hướng, tiềm năng tăng trưởng được mở rộng, đời sống xã hội được nâng lên và nền tảng phát triển bền vững được hình thành. Do đó, phát huy vai trò của lực lượng sản xuất không chỉ là yêu cầu tất yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà còn là chìa khóa để Thái Nguyên tạo ra bước phát triển đột phá, nâng cao năng lực cạnh tranh và vững vàng bước vào giai đoạn phát triển mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 06/12/2024 về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và phương hướng năm 2025.*
2. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Báo cáo số 312/BC-UBND ngày 05/12/2025 về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và phương hướng năm 2026.*
3. Nhà xuất bản Thống kê, *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2024.*
4. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên, *Báo cáo số 54/BC-CTK ngày 29/3/2026 về tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2026.*
5. Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên, *Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08/3/2024 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.*

TƯ TƯỞNG “DÂN LÀ GỐC” - THƯỚC ĐO CAO NHẤT CỦA MỌI QUYẾT SÁCH TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

ThS Nguyễn Thị Thúy Hằng

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng diễn ra trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới, đòi hỏi tăng trưởng cao hơn, cải cách sâu rộng và nâng cao hiệu quả bộ máy nhà nước. Trong diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh luận điểm có tính nền tảng và xuyên suốt: “Dân là gốc” - thước đo cao nhất của mọi quyết sách. Đây là sự khẳng định ở tầm cao mới, trực tiếp gắn tư tưởng “lấy dân làm gốc” với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo, quản trị quốc gia và tổ chức thực thi trong bối cảnh phát triển mới của đất nước.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, quần chúng nhân dân giữ vai trò quyết định đối với tiến trình lịch sử; cách mạng là sự nghiệp tự giác, sáng tạo của đông đảo nhân dân. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát triển thành quan điểm nhất quán: lấy dân làm gốc, dựa vào dân để xây dựng Đảng và Nhà nước; mọi thành bại đều do dân. Người nhấn mạnh, Đảng cầm quyền nếu không gắn bó với nhân dân, không vì lợi ích của nhân dân, sẽ đánh mất vai trò lãnh đạo. Vì vậy, cần luôn đề cao quyền lực, vai trò và niềm tin vào sức mạnh của Nhân dân, với tư tưởng cốt lõi: “Nước lấy dân làm gốc”. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng và vận dụng thành công tư tưởng “Dân là gốc” với mục tiêu Nhân dân thực sự là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định và phát triển tư tưởng “dân là gốc” lên tầm cao mới. Đảng ta

đã nhấn mạnh, nêu rõ tầm quan trọng vai trò chủ thể, vị trí trung tâm, quyền làm chủ của Nhân dân và khẳng định một trong năm bài học kinh nghiệm quan trọng là quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm “Dân là gốc”, phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân. Theo đó, “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, là động lực và cũng là nguồn lực của phát triển. Mọi đường lối, chính sách phải hướng tới nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân; tôn trọng, lắng nghe và dựa vào Nhân dân, tận tâm phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về mọi quyết định của mình”.⁽¹⁾

Mọi chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích chính đáng của Nhân dân, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm công bằng xã hội và không để ai bị bỏ lại phía sau. Văn kiện nhấn mạnh: “Mọi chủ trương, chính sách của đảng và nhà nước phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp và hạnh phúc của Nhân dân; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu”.⁽²⁾

Một điểm nhấn đặc biệt quan trọng trong văn kiện là cách tiếp cận về niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Niềm tin của Nhân dân được xác lập không phải từ khẩu hiệu mà từ hiệu quả thực tiễn, thể hiện qua sự liêm chính của đội ngũ cán bộ, hiệu lực của bộ máy và việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Văn kiện chỉ rõ: “Niềm tin không đến từ lời nói, không đến từ

khẩu hiệu mà đến từ việc làm; từ sự công tâm, liêm chính của cán bộ; từ hiệu lực, hiệu quả của bộ máy; từ sự công bằng trong thụ hưởng chính sách; và từ kết quả bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân và doanh nghiệp”.⁽³⁾

Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng được xác định là thước đo quan trọng phản ánh năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, của đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Văn kiện nhấn mạnh yêu cầu phải thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Trên cơ sở đó, cần củng cố và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, lấy Nhân dân làm nền tảng trong xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Bên cạnh đó, việc lấy mức độ hài lòng, tín nhiệm của người dân và doanh nghiệp, cùng với hiệu quả thực thi công vụ, làm tiêu chí đánh giá cán bộ được xác định là một định hướng quan trọng. Những nội dung này tạo thành các điều kiện nền tảng nhằm bảo đảm và củng cố “gốc dân” trong bối cảnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mọi thắng lợi của cách mạng đều bắt nguồn từ sức mạnh, niềm tin và trí tuệ của nhân dân. Việc phát huy vai trò Nhân dân không chỉ là yêu cầu mang tính chính trị mà còn là điều kiện quyết định để các chủ trương, quyết sách của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV được triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Trong bối cảnh hiện nay, quan điểm “dân là gốc” được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ xây dựng “thể trận lòng dân” và ngày càng được nhấn mạnh. “Thể trận lòng dân” không phải là một khái niệm trừu tượng mà được hiểu như trạng thái đồng thuận xã hội, thể hiện ở sự gắn bó chặt chẽ, bền vững giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Văn kiện khẳng định, trong giai đoạn phát triển mới, yêu cầu xây dựng và củng cố thể trận lòng dân càng trở nên cấp thiết. Đây là nền tảng

bảo đảm vững chắc cho quốc phòng, an ninh; đồng thời, tạo điều kiện để các nhiệm vụ cải cách được triển khai đến cùng. Khi thể trận lòng dân được củng cố, những khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển có thể được vượt qua và hóa giải.

Để các tầng lớp Nhân dân đều thấy mình có trách nhiệm và quyền lợi gắn với Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, cần phát huy thực sự quyền làm chủ của Nhân dân trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và có cơ chế để Nhân dân phát huy tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tự tin, tự lực, tự cường thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Mỗi người dân cần nêu cao ý thức trách nhiệm đối với Tổ quốc, đóng góp hết sức mình vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc trong kỷ nguyên phát triển mới.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam, đặc biệt qua 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, tiếp tục khẳng định rằng mọi thắng lợi đều có cội nguồn từ sức mạnh, niềm tin và trí tuệ của Nhân dân. Việc phát huy vai trò của Nhân dân vì vậy không chỉ là một yêu cầu chính trị mang tính nguyên tắc mà còn là điều kiện có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho các chủ trương, quyết sách của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV được hiện thực hóa trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, tạo lập và củng cố sự đồng thuận xã hội, khơi dậy và phát huy tối đa nguồn lực trong Nhân dân chính là nền tảng quan trọng để Việt Nam tiếp tục phát triển bền vững, vững bước trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.39.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.121.

PHÁT HUY VAI TRÒ XUNG KÍCH CỦA ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ThS Nguyễn Thị Giang

Giảng viên, Khoa Nhà nước và pháp luật

Traï qua 95 năm xây dựng và trưởng thành, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò là lực lượng xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ Việt Nam trong các phong trào hành động cách mạng. Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính và chuyển đổi số trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

Cải cách hành chính và chuyển đổi số không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước mà còn là quá trình đổi mới toàn diện phương thức quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công. Trong tiến trình đó, đoàn viên thanh niên với những lợi thế về tri thức, khả năng tiếp cận nhanh với khoa học công nghệ và tinh thần sáng tạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy và lan tỏa các hoạt động đổi mới.

Phát huy vai trò xung kích của đoàn viên thanh niên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số không chỉ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân mà còn tạo môi trường để thế hệ trẻ rèn luyện, trưởng thành và cống hiến cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên số.

** Vai trò của đoàn viên thanh niên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số*

Thứ nhất, đoàn viên thanh niên là lực lượng tiên phong trong ứng dụng khoa học công nghệ và công nghệ số. Thanh niên thường có khả năng tiếp cận nhanh với các tiến bộ khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và các nền tảng số. Trong bối

cảnh chuyển đổi số quốc gia đang được đẩy mạnh, lực lượng đoàn viên thanh niên có thể đóng vai trò nòng cốt trong việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công. Việc sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý, hệ thống dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số trong giải quyết thủ tục hành chính sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công việc, giảm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, đoàn viên thanh niên góp phần thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong hoạt động của cơ quan, đơn vị. Tinh thần năng động, sáng tạo của tuổi trẻ là yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình cải cách hành chính. Nhiều sáng kiến, giải pháp cải tiến quy trình công tác, ứng dụng công nghệ trong quản lý và giải quyết công việc được khởi xướng từ đội ngũ cán bộ trẻ. Những sáng kiến này góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả công việc và cải thiện chất lượng phục vụ Nhân dân.

Thứ ba, đoàn viên thanh niên là lực lượng tích cực tuyên truyền, hỗ trợ người dân trong quá trình chuyển đổi số. Trong quá trình triển khai các dịch vụ công trực tuyến, nhiều người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn hoặc người cao tuổi, còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ. Các hoạt động tình nguyện của đoàn viên thanh niên như hỗ trợ người dân đăng ký tài khoản dịch vụ công, hướng dẫn sử dụng các ứng dụng số hay hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy chuyển đổi số trong xã hội.

** Thực tiễn phát huy vai trò của đoàn viên thanh niên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số*

Trong những năm gần đây, tổ chức Đoàn các cấp đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực nhằm phát huy vai trò của đoàn viên thanh niên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số. Nhiều cơ sở Đoàn đã triển khai các đội hình thanh niên tình nguyện hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng số. Hoạt động này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính mà còn giúp người dân từng bước làm quen với môi trường số. Bên cạnh đó, phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo” đã khuyến khích đoàn viên thanh niên đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp ứng dụng công nghệ trong quản lý và điều hành công việc. Nhiều sáng kiến đã được áp dụng trong thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

** Vai trò của đoàn viên thanh niên là giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số*

Trong hệ thống các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và Nhà nước, Trường Chính trị tỉnh có vai trò quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Trong bối cảnh đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số hiện nay, đội ngũ giảng viên trẻ, đoàn viên thanh niên của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên không chỉ thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn mà còn góp phần tích cực vào quá trình đổi mới phương thức quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Trước hết, đoàn viên thanh niên là giảng viên trẻ của Nhà trường đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số trong hoạt động giảng dạy. Nhiều giảng viên đã chủ động xây dựng bài giảng điện tử, sử dụng các phần mềm trình chiếu, hệ thống quản lý học tập trực tuyến và các công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả truyền đạt kiến thức. Việc ứng dụng công nghệ số

trong giảng dạy không chỉ góp phần đổi mới phương pháp sư phạm mà còn giúp học viên tiếp cận kiến thức một cách trực quan, sinh động và thuận tiện hơn.

Bên cạnh đó, đoàn viên thanh niên của Nhà trường cũng tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, đề xuất sáng kiến nhằm nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nhiều đề tài nghiên cứu, bài viết khoa học đã tập trung vào các vấn đề thực tiễn như: Cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử và phát triển chính quyền số ở địa phương. Những kết quả nghiên cứu này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy mà còn cung cấp thêm cơ sở khoa học phục vụ công tác lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Ngoài ra, đoàn viên thanh niên của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên còn tích cực tham gia các hoạt động chuyển đổi số trong công tác quản lý và điều hành của Nhà trường. Việc ứng dụng các phần mềm quản lý đào tạo, quản lý học viên, tổ chức các hoạt động học tập và trao đổi học thuật trên nền tảng số đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời từng bước xây dựng môi trường làm việc hiện đại, phù hợp với xu hướng phát triển của nền hành chính số.

Thông qua các hoạt động chuyên môn và phong trào đoàn thể, đoàn viên thanh niên của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên đã thể hiện rõ tinh thần xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ trong việc tham gia cải cách hành chính và chuyển đổi số. Đây không chỉ là trách nhiệm nghề nghiệp mà còn là sự đóng góp thiết thực của tuổi trẻ Nhà trường đối với sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

** Một số giải pháp phát huy vai trò xung kích của đoàn viên thanh niên Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số*

Để phát huy tốt hơn vai trò xung kích của đoàn viên thanh niên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số tại Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, cần chú trọng triển khai một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đoàn viên thanh niên về cải cách hành chính và chuyển đổi số. Đảng ủy, Ban Giám hiệu lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức Đoàn của Nhà trường cần tăng cường tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính và chuyển đổi số. Thông qua các buổi sinh hoạt chi đoàn, tọa đàm chuyên đề, hội thảo khoa học..., giúp đoàn viên thanh niên nhận thức đầy đủ vai trò, trách nhiệm của mình trong quá trình đổi mới hoạt động quản lý, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, phát huy vai trò của giảng viên trẻ trong ứng dụng công nghệ số vào hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đoàn viên thanh niên là giảng viên trẻ cần chủ động nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại, xây dựng bài giảng điện tử, khai thác hiệu quả các nền tảng số phục vụ giảng dạy. Đồng thời, khuyến khích giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học liên quan đến cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị ở địa phương.

Thứ ba, thúc đẩy phong trào sáng kiến, cải tiến trong hoạt động chuyên môn. Tổ chức Đoàn của Nhà trường cần phối hợp với các khoa, phòng chuyên môn phát động phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”, khuyến khích đoàn viên thanh niên đề xuất các sáng kiến, giải pháp cải tiến quy trình công tác, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo, quản lý học viên và tổ chức các hoạt động chuyên môn. Những sáng kiến có giá trị cần được xem xét áp dụng vào thực tiễn hoạt động của Nhà trường.

Thứ tư, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số cho đoàn viên thanh niên. Nhà trường cần quan tâm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng công nghệ thông tin, kỹ năng khai thác dữ liệu, sử dụng các nền tảng số trong giảng dạy và quản lý. Việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ giảng viên trẻ sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong hoạt động của Nhà trường.

Thứ năm, phát huy vai trò của tổ chức Đoàn trong các hoạt động phục vụ cộng đồng gắn với chuyển đổi số. Đoàn viên thanh niên của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên có thể tham gia các hoạt động hỗ trợ địa phương trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến hoặc các ứng dụng số trong đời sống. Thông qua các hoạt động này, tuổi trẻ Nhà trường không chỉ đóng góp cho cộng đồng mà còn gắn lý luận với thực tiễn, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Trong bối cảnh đất nước đang đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số, đoàn viên thanh niên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của mình. Với tri thức, nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm, lực lượng thanh niên có thể đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới phương thức quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

Phát huy vai trò của đoàn viên thanh niên trong cải cách hành chính và chuyển đổi số không chỉ góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của đất nước mà còn tạo môi trường để thế hệ trẻ rèn luyện, cống hiến và trưởng thành. Đây cũng chính là sự tiếp nối truyền thống vẻ vang của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong suốt 95 năm qua, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên mới./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHỐI HỢP TRONG THỰC THI CÔNG VỤ - THỰC TIỄN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Thanh Dung

Học viên lớp TCLLCT K59, hệ tập trung

Trong hoạt động quản lý nhà nước, công tác phối hợp là yêu cầu khách quan nhằm bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân, đưa văn hóa trở thành nền tảng và động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - cơ quan tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình đã chú trọng, quan tâm thực hiện hiệu quả công tác phối hợp trong thực thi công vụ.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Thái Nguyên đã chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành nhiều cơ chế, nội dung phối hợp để triển khai nhiệm vụ trên các lĩnh vực. Tiêu biểu như việc tham mưu ban hành quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình; ký kết các chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trong triển khai Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; chương trình phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh trong xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao thể chất, tinh thần cho đoàn viên, người lao động. Ngoài ra, Sở cũng đã phối hợp với các sở, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng, hoàn thiện các văn bản trình Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ bản bảo đảm chất lượng và bám sát yêu cầu thực tiễn.

Trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, ngành đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình

với quy mô lớn, phạm vi rộng, huy động sự tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành và các tổ chức liên quan. Đặc biệt, trong năm 2025, nhiều nội dung, hoạt động đã huy động được nguồn lực xã hội hóa đáng kể, tạo nguồn lực lớn để phát triển văn hóa, thể thao của tỉnh nhà. Điểm nhấn trong đời sống văn hóa và góp phần quảng bá hình ảnh địa phương như các hoạt động kỷ niệm Ngày Quốc khánh 2/9, chương trình Thái Nguyên - lung linh đêm hội trăng rằm; chương trình Countdown chào năm mới 2026, lễ hội “Thái Nguyên - hương sắc danh trà”... Ngoài ra đã huy động nguồn lực xã hội hóa tài trợ 10 tỷ đồng cho đội bóng chuyên nữ của tỉnh. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được duy trì và phát triển, với tỷ lệ đạt chuẩn cao, hằng năm đều đạt trên 90% gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa; trên 92% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, qua đó thể hiện sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và Nhân dân.

Tổ chức được nhiều đợt kiểm tra liên ngành tại cơ sở, tập trung vào các nội dung như hoạt động lễ hội, kinh doanh dịch vụ văn hóa, du lịch, thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Qua đó, đã kịp thời phát hiện, xử lý các sai phạm, đồng thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Công tác phối hợp trong đánh giá, tổng hợp thông tin, báo cáo được thực hiện thường xuyên, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, điều hành. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, trong nội bộ cơ quan và với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân từng

bước được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Hiện nay, ngành đang tập trung phát huy vai trò tham mưu, tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong huy động nguồn lực triển khai các dự án lớn liên quan đến phát triển du lịch, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh.

Từ thực tiễn triển khai có thể thấy, công tác phối hợp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đã có những chuyển biến tích cực, từng bước đi vào nền nếp, góp phần quan trọng trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của ngành, nhất là đối với các nội dung có tính liên ngành, liên cấp và phạm vi tác động rộng. Tuy nhiên, xét tổng thể, hiệu quả phối hợp trong thực thi công vụ vẫn chưa thực sự tương xứng với yêu cầu đặt ra. Ở nhiều nội dung, công tác phối hợp còn mang tính hành chính, chủ yếu dừng ở trao đổi, lấy ý kiến, chưa hình thành được quy trình liên kết chặt chẽ, xuyên suốt từ tham mưu đến tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá. Việc phân công trách nhiệm có lúc chưa rõ ràng, còn chồng chéo hoặc bỏ sót; sự vào cuộc của một số ngành, địa phương chưa đồng bộ, vẫn còn biểu hiện “khoán” cho ngành chủ trì. Công tác kiểm tra, giám sát chưa toàn diện, chủ yếu tập trung vào kết quả, thiếu tiêu chí đánh giá cụ thể đối với quá trình phối hợp. Trong tham mưu, chất lượng tham gia ý kiến chưa đồng đều, còn hình thức. Việc huy động nguồn lực xã hội tuy có chuyển biến nhưng chưa bền vững, cơ chế phối hợp chưa đồng bộ, hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng. Bên cạnh đó, công tác thông tin, báo cáo còn hạn chế do dữ liệu chưa đồng bộ, nhân lực cơ sở còn thiếu, ảnh hưởng đến chất lượng tổng hợp và chia sẻ thông tin.

Những hạn chế trên xuất phát từ nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có nguyên nhân từ bối cảnh triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, khi chức năng, nhiệm vụ và phương thức vận hành giữa các

cấp đang trong quá trình hoàn thiện, dẫn đến một số nội dung phối hợp chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn; nguồn nhân lực ở cơ sở còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều nên việc tổ chức phối hợp chưa thực sự hiệu quả. Bên cạnh đó, cơ chế, quy chế phối hợp ở một số lĩnh vực chưa cụ thể, thiếu tính ràng buộc trách nhiệm; chưa có quy trình phối hợp thống nhất; công tác kiểm tra, đánh giá chưa gắn với trách nhiệm phối hợp; đồng thời, năng lực tổ chức, điều phối và ý thức phối hợp của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong xử lý các nhiệm vụ liên ngành, liên cấp.

Trong thời gian tới, để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong thực thi công vụ, cần tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, tiếp tục rà soát, hoàn thiện các cơ chế, quy chế phối hợp theo hướng rõ ràng, cụ thể, dễ thực hiện; trong đó xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, nội dung, thời gian và trách nhiệm của từng đơn vị.

Thứ hai, nâng cao kỹ năng phân công, điều phối công việc trong quá trình thực thi công vụ theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm”. Đồng thời, tăng cường theo dõi, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, tránh tình trạng giao việc xong là buông lỏng hoặc “khoán trắng”.

Thứ ba, từng bước xây dựng và chuẩn hóa quy trình phối hợp trong giải quyết công việc, từ khâu tham mưu, tổ chức thực hiện đến kiểm tra, đánh giá, nhằm kiểm soát tiến độ, hạn chế chồng chéo và xác định rõ trách nhiệm khi có vấn đề phát sinh; bảo đảm tiến độ, chất lượng, không để xảy ra chậm trễ, sai sót.

Thứ tư, nâng cao chất lượng công tác tham mưu của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đối với các nội dung liên ngành. Tham mưu cần bảo đảm tính chủ động, kịp thời, có chiều sâu; đồng thời xác định rõ nội dung,

(Xem tiếp trang 55)

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG VÀ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI XÃ PHỦ THÔNG

ThS Phạm Thu Thủy

Giảng viên, Khoa Xây dựng Đảng

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính, hướng tới xây dựng chính quyền số là vấn đề vừa mang tính cấp thiết trước mắt, vừa mang ý nghĩa lâu dài trong tiến trình hiện đại hóa nền hành chính nhà nước, phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Tinh thần đó đã được khẳng định trong Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Thời gian qua, thực tiễn việc triển khai công tác chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính tại xã Phủ Thông, tỉnh Thái Nguyên cho thấy, quá trình này đang đạt được những kết quả tích cực đáng ghi nhận, đồng thời cũng đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện. Ngay từ đầu năm 2026, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã Phủ Thông đã chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch¹ triển khai cụ thể nhằm thực hiện các

chủ trương của Trung ương và của tỉnh² về chuyển đổi số. Việc tổ chức thực hiện được tiến hành bài bản, có trọng tâm, trọng điểm, với phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn”, qua đó tạo nền tảng quan trọng cho việc triển khai đồng bộ và hiệu quả. Cùng với đó, địa phương đã từng bước đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan hành chính. Hệ thống đường truyền internet cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu kết nối và khai thác các nền tảng số dùng chung. Đội ngũ cán bộ, công chức được trang bị đầy đủ máy tính, thiết bị làm việc; việc sử dụng chữ ký số cá nhân được triển khai theo đúng quy định, góp phần từng bước hình thành môi trường làm việc điện tử trong cơ quan nhà nước.

Kết quả nổi bật nhất của quá trình chuyển đổi số tại xã Phủ Thông trong cung cấp dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính được thể hiện qua các chỉ số cơ bản:

Trong 3 tháng đầu năm 2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã đã tiếp nhận 698 hồ sơ, trong đó 100% hồ sơ được nộp trực tuyến, không phát sinh hồ sơ nộp trực tiếp. Toàn bộ số hồ sơ này đều được giải quyết đúng hạn, đạt tỷ lệ 100%, đồng thời được số hóa đầy đủ theo quy định.

¹ Kế hoạch số 57-KH/ĐU ngày 24/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phủ Thông về triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Tỉnh ủy Thái Nguyên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 58-KH/ĐU ngày 24/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phủ Thông về triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU năm 2026; Kế hoạch số 02-KH/ĐU ngày 26/02/2026 của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Phủ Thông về việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Phủ Thông năm 2026; Kế hoạch hành động số 45-KH/ĐU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Phủ Thông về việc chuyển đổi số trong cơ quan đảng xã Phủ Thông năm 2026.

² Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 15/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, năm 2026; Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Việc công khai quy trình, thời hạn và mức phí giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện minh bạch trên môi trường số, giúp người dân dễ dàng tra cứu, theo dõi và giám sát các thủ tục. Đáng chú ý, trong quá trình giải quyết hồ sơ, không phát sinh việc yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ khi dữ liệu đã được kết nối, chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Điều này thể hiện sự chuyển biến rõ nét trong tư duy quản lý, từ “hành chính giấy tờ” sang “hành chính số”, góp phần giảm thiểu phiền hà, sai sót, tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân.

Bên cạnh đó, việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính đạt tỷ lệ 100%, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc lựa chọn nơi nộp hồ sơ phù hợp. Các cơ quan trong hệ thống chính trị ở địa phương (thuộc khối cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội) đã chủ động rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn.

Những kết quả trên đã góp phần nâng cao mức độ hài lòng của người dân, không phát sinh phản ánh, khiếu nại liên quan đến quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Từng bước, người dân đã tin tưởng và hình thành thói quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến, coi đây là phương thức thuận tiện, minh bạch và hiệu quả.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình triển khai chuyển đổi số tại xã Phú Thông vẫn còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế như: Hạ tầng kỹ thuật tuy đã được cải thiện nhưng chưa thật sự đồng bộ, ổn định, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý công việc; một số thủ tục hành chính chưa được cấu hình đầy đủ trên hệ thống, gây khó khăn nhất định trong quá trình thực hiện; kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế, nhất

là trong việc khai thác sâu các tính năng của hệ thống thông tin; đối với người dân, đặc biệt là người cao tuổi, việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến vẫn còn nhiều trở ngại, do hạn chế về kỹ năng công nghệ và thói quen sử dụng.

Nguyên nhân của những hạn chế này xuất phát từ các yếu tố cơ bản, bao gồm: Một số thủ tục hành chính hiện mới được triển khai ở mức độ dịch vụ công trực tuyến một phần, chưa đáp ứng yêu cầu toàn trình. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính vẫn còn tồn tại tình trạng chưa đồng bộ về chức năng thống kê, tổng hợp dữ liệu giữa các biểu mẫu, dẫn đến sự chênh lệch nhất định trong quá trình theo dõi và báo cáo. Tâm lý e ngại thay đổi của một bộ phận người dân khi sử dụng dịch vụ công cũng là rào cản không nhỏ đối với quá trình chuyển đổi số.

Trước yêu cầu đặt ra, xã Phú Thông đã xác định một số giải pháp trọng tâm nhằm tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cải cách thủ tục hành chính như sau:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt sâu sắc các chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là vai trò người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Thứ hai, đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm kết nối ổn định, an toàn. Việc tăng cường trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn là điều kiện cần thiết để nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường số.

Thứ ba, đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Việc phát huy vai trò của các tổ công nghệ số cộng đồng sẽ góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ số.

Thứ tư, cần thường xuyên rà soát, kịp thời phản ánh những vướng mắc phát sinh trong quá trình sử dụng hệ thống thông tin để các cơ quan cấp trên có giải pháp điều chỉnh, hoàn thiện, bảo đảm tính đồng bộ, chính xác của dữ liệu.

Thứ năm, phát huy hơn nữa vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng. Đây phải thực sự là “cánh tay nối dài” của chính quyền địa phương để hướng dẫn, giúp đỡ người dân sử dụng dịch vụ công và giải quyết thủ tục hành chính một cách hiệu quả.

Có thể khẳng định, những kết quả bước đầu trong chuyển đổi số tại xã Phú Thông đã góp phần cụ thể hoá chủ trương lớn của Đảng thành hành động thực tiễn ở cơ sở. Từ những chuyển biến trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến và cải cách thủ tục hành chính,

chuyển đổi số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu quả. Trong thời gian tới, với quyết tâm chính trị cao và cách làm phù hợp, xã Phú Thông hoàn toàn có điều kiện tiếp tục phát huy kết quả đạt được, từng bước xây dựng chính quyền số thực chất, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo hướng bền vững./.

Tài liệu tham khảo

Ủy ban nhân dân xã Phú Thông: *Báo cáo số 219/BC-UBND, ngày 20/3/2026 về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ và triển khai thực hiện Đề án về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên trên địa bàn xã Phú Thông quý I/2026.*

NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHỐI HỢP TRONG THỰC THI CÔNG VỤ...

(Tiếp theo trang 52)

trách nhiệm phối hợp ngay từ khâu đề xuất, làm cơ sở tổ chức thực hiện hiệu quả.

Thứ năm, gắn công tác phối hợp với kiểm tra, đánh giá và công tác thi đua, khen thưởng; bổ sung tiêu chí đánh giá về phối hợp trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân; tăng cường kiểm tra liên ngành, chú trọng đánh giá cả quá trình phối hợp.

Thứ sáu, nâng cao chất lượng công tác thông tin, báo cáo; tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho cơ sở; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành, bảo đảm thông tin được cập nhật, chia sẻ kịp thời, phục vụ hiệu quả công tác quản lý và phối hợp.

Thứ bảy, đẩy mạnh phối hợp liên ngành và huy động hiệu quả nguồn lực xã hội; xây dựng cơ chế phù hợp để thu hút sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, góp

phần bổ sung nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành.

Thứ tám, phát huy vai trò của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện công tác phối hợp; tăng cường chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Với đặc thù là một ngành có phạm vi quản lý rộng, tác động lớn đến đời sống xã hội và hình ảnh của địa phương, cùng với đó là yêu cầu cao về nhiệm vụ và chất lượng thực thi công vụ bối cảnh hiện nay, yêu cầu này đặt ra ngày càng rõ trong quá trình triển khai Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 của Ban Bí thư về phát triển văn hóa Việt Nam, khi các mục tiêu, nhiệm vụ đều mang tính liên ngành, liên cấp và phạm vi tác động rộng. Do đó, nâng cao hiệu quả phối hợp cần được xác định là yêu cầu xuyên suốt trong thực thi công vụ, góp phần bảo đảm sự thống nhất trong tổ chức thực hiện, tạo hiệu ứng, sức lan tỏa và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành trong giai đoạn mới./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ SAU SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH: THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP TỪ MÔ HÌNH PHƯỜNG ĐỨC XUÂN, TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nông Thị Thanh Hương

Giảng viên, Khoa Lý luận cơ sở

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là thời điểm then chốt để hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2026. Đây cũng là năm ghi dấu ấn với việc triển khai sắp xếp các đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo chủ trương tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tại địa bàn phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên, việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân (HĐND) tại cơ sở, vừa tạo ra những động lực mới, vừa đặt ra những thách thức không nhỏ trong việc duy trì ổn định chính trị và thúc đẩy phát triển kinh tế. Trong bối cảnh đó, HĐND phường đã khẳng định vai trò là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, không chỉ là nơi kết tinh ý chí, nguyện vọng của Nhân dân mà còn là nhân tố quyết định sự thành công của công tác đổi mới bộ máy tại cơ sở.

Ngay sau khi sáp nhập, Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026 đã được kiện toàn trên cơ sở hợp nhất từ HĐND của ba phường cũ là Đức Xuân, Nguyễn Thị Minh Khai và Huyền Tung. Với quy mô mới, tổng số đại biểu là 64 đồng chí (thời điểm sáp nhập), bao gồm cả các đại biểu được chỉ định để đảm bảo tính liên tục và đại diện. Cơ cấu tổ chức của HĐND phường được thiết lập chặt chẽ với Thường trực HĐND, Ban Kinh tế - Ngân sách gồm 15 thành viên và Ban Văn hóa - Xã hội gồm 17 thành viên. Có 03 tổ đại biểu với số lượng mỗi tổ từ 21 đến 22 thành viên. Thực tiễn năm 2025 cho thấy hoạt động của HĐND phường Đức Xuân đã phát huy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, làm tốt vai trò là cơ quan đại

diện cho ý chí, nguyện vọng, quyền làm chủ của Nhân dân; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương và trong hoạt động giám sát trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Cụ thể:

Trong năm 2025, công tác tổ chức kỳ họp có nhiều đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả. HĐND phường đã tổ chức 11 kỳ họp và ban hành 33 nghị quyết, kịp thời quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, đặc biệt là các nội dung liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và các vấn đề phát sinh trong quá trình sáp nhập, tổ chức lại đơn vị hành chính. Công tác chuẩn bị kỳ họp được thực hiện ngày càng chặt chẽ, có chất lượng, luôn có sự phối hợp giữa Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các cơ quan, đơn vị liên quan đã góp phần nâng cao chất lượng của các kỳ họp. Trong công tác thẩm tra, các Ban HĐND đã chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân và các cơ quan liên quan tiếp cận thông tin, tham gia ý kiến với các cơ quan soạn thảo báo cáo, tờ trình; tổ chức khảo sát để đánh giá tính phù hợp và khả thi của dự thảo nghị quyết. Báo cáo thẩm tra cơ bản đảm bảo trọng tâm, giúp đại biểu có định hướng trong thảo luận và quyết định.

Hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND phường cũng được đẩy mạnh với tinh thần quyết liệt và đổi mới. Các đợt giám sát chuyên đề trước sáp nhập đã tập trung vào những vấn đề thực tiễn như quản lý bảo vệ rừng, quản lý nhóm trẻ độc lập tư thực và thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Sau khi ổn định tổ chức theo mô hình mới, Thường trực

HĐND đã chủ động thực hiện khảo sát tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn và giám sát việc chấp hành pháp luật về phân cấp, phân quyền. Đặc biệt, việc giám sát công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đảm bảo an ninh trật tự và thực hiện chuyển đổi số quốc gia đã kịp thời phát hiện những hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước ở cơ sở, đồng thời kiến nghị các giải pháp khắc phục, tháo gỡ khó khăn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền địa phương.

Hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân được duy trì thường xuyên, đảm bảo việc lắng nghe, tiếp thu, phản ánh kịp thời ý kiến, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Thường trực HĐND phường đã xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp. Năm 2025, các tổ đại biểu HĐND phường tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri tại 17 điểm với sự tham gia của 690 cử tri. Qua đó, có 209 vấn đề kiến nghị đã được ghi nhận và xử lý. Đáng chú ý, sau ngày 01/7/2025, Thường trực HĐND đã tổng hợp và chuyển giao trên 100 kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời theo dõi sát sao quá trình giải quyết để thông tin kịp thời đến Nhân dân. Công tác tiếp công dân được duy trì nghiêm túc, sự phối hợp giữa Thường trực HĐND với Ủy ban nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường ngày càng chặt chẽ, tạo nên một cơ chế vận hành đồng bộ, giúp giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo và nguyện vọng chính đáng của người dân, giữ vững ổn định chính trị tại cơ sở.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ khóa VII, đặc biệt là việc từng bước ổn định tổ chức bộ máy sau sáp nhập, cũng như chất lượng, hiệu quả hoạt động của HĐND phường năm 2025, ngay từ đầu năm 2026, HĐND phường đã xác định rõ các nhiệm vụ cần triển khai, trong đó trọng tâm là tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu HĐND nhiệm kỳ mới, bảo đảm lựa chọn được đội ngũ đại biểu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đại diện thực chất cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân. Ngày 28/3/2026, tại Kỳ họp thứ Nhất HĐND phường Đức Xuân khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, với tỷ lệ tín nhiệm 100%, các đại biểu

đã bầu các chức danh lãnh đạo chủ chốt của HĐND, Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân phường. Kết quả này không chỉ đánh dấu sự khởi đầu của nhiệm kỳ mới mà còn thể hiện rõ tính kế thừa, liên tục trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động của HĐND phường vẫn còn một số hạn chế. Chất lượng một số cuộc giám sát, báo cáo thẩm tra chưa cao do chưa thu thập đầy đủ thông tin, thành viên các Ban HĐND phường đa số hoạt động kiêm nhiệm, không có chuyên môn phù hợp nên một số nội dung chưa có nghiệp vụ chuyên sâu. Năng lực chuyên môn của một bộ phận đại biểu trong các lĩnh vực đặc thù còn hạn chế, dẫn đến chất lượng thẩm tra ở một số nội dung chưa thực sự sâu sắc. Một số đại biểu chưa dành thời gian thỏa đáng để tham gia các hoạt động của HĐND theo chức năng, nhiệm vụ của người đại biểu dân cử; việc thảo luận, tham gia ý kiến tại các kỳ họp của một số đại biểu còn ít; việc lựa chọn, đề xuất nội dung giám sát của một số Tổ đại biểu và đại biểu chất lượng chưa cao, còn ít ý kiến. Đây là những “nút thắt” cần sớm được tháo gỡ để nâng cao vị thế và hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử trong giai đoạn mới.

Để tiếp tục đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc đổi mới, HĐND phường Đức Xuân cần tập trung triển khai một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND trong thời gian tới.

Một là, cần tiếp tục đổi mới phương thức tổ chức kỳ họp, đổi mới nội dung, phương thức tổ chức kỳ họp theo hướng tăng thời gian thảo luận, chất vấn, gắn với trách nhiệm giải trình của cơ quan chịu sự giám sát. Các tài liệu cần được gửi sớm, tóm tắt rõ trọng tâm để đại biểu có điều kiện nghiên cứu trước, từ đó tham gia ý kiến sâu hơn, tránh tình trạng phát biểu chung chung. Nội dung thảo luận cần tập trung vào những vấn đề còn ý kiến khác nhau, những nội dung tác động trực tiếp đến lợi ích của người dân. Hoạt động chất vấn cần được chuẩn bị kỹ, có lựa chọn nhóm vấn đề cụ thể, xác định rõ người trả lời và yêu cầu trả lời đi thẳng vào

trách nhiệm, giải pháp và lộ trình thực hiện. Đồng thời, tăng cường tổ chức chất vấn theo nhóm lĩnh vực, có tranh luận lại để làm rõ vấn đề, nâng cao tính phản biện tại kỳ họp. Gắn thảo luận, chất vấn với trách nhiệm giải trình để kỳ họp HĐND thực sự trở thành diễn đàn dân chủ, nâng cao hiệu lực giám sát và hiệu quả quyết định các vấn đề của địa phương.

Hai là, hoạt động giám sát cần lựa chọn có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những vấn đề thiết thực, liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân. Lựa chọn nội dung giám sát dựa trên những vấn đề nổi cộm từ thực tiễn địa phương, như quản lý đất đai, trật tự đô thị, giải quyết thủ tục hành chính, chính sách an sinh xã hội. Việc lựa chọn cần có sự tổng hợp từ ý kiến cử tri, phản ánh của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, tránh dàn trải, hình thức. Trong quá trình giám sát, cần tăng cường khảo sát thực tế, làm việc trực tiếp với cơ sở để nắm bắt đúng bản chất vấn đề. Sau giám sát, phải ban hành kết luận rõ ràng, xác định cụ thể trách nhiệm, thời hạn khắc phục đối với từng cơ quan, đơn vị. Đồng thời, HĐND cần xây dựng cơ chế theo dõi, tái giám sát việc thực hiện kiến nghị, gắn với báo cáo định kỳ tại các kỳ họp. Chỉ khi kiến nghị được thực hiện đến cùng, có chuyển biến rõ rệt trong thực tiễn thì hoạt động giám sát mới thực sự phát huy hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, cần nâng cao chất lượng theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát để bảo đảm tính hiệu lực.

Ba là, tăng cường mối liên hệ giữa đại biểu HĐND với cử tri thông qua đa dạng hóa hình thức tiếp xúc, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát, phản biện, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND. Phát huy hiệu quả khi được triển khai theo hướng thực chất, đa chiều và liên tục, thay vì dừng lại ở các cuộc tiếp xúc định kỳ trước và sau kỳ họp. Trước hết, cần đa dạng hóa hình thức tiếp xúc cử tri phù hợp với đặc điểm địa bàn sau sáp nhập như kết hợp tiếp xúc theo chuyên đề (đất đai, an sinh xã hội, đô thị...), tiếp xúc

theo nhóm đối tượng (hộ kinh doanh, người lao động, đối tượng chính sách...). Cách làm này giúp đại biểu không chỉ “nghe” ý kiến chung mà còn nắm bắt được những vấn đề cụ thể, sát thực tiễn, từ đó nâng cao chất lượng kiến nghị và giám sát; duy trì các kênh thông tin thường xuyên giữa đại biểu với cử tri như qua tổ dân phố, mạng xã hội, hệ thống phản ánh kiến nghị trực tuyến sẽ giúp khắc phục hạn chế về không gian và thời gian, đặc biệt trong bối cảnh địa bàn rộng hơn sau sáp nhập. Khi thông tin được cập nhật liên tục, đại biểu có điều kiện theo dõi, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, tránh tình trạng “tiếp xúc xong để đó”, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân và nâng cao tính trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của HĐND để tăng tính công khai, minh bạch và hiệu quả. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, từng bước số hóa toàn bộ quy trình hoạt động của HĐND như tài liệu kỳ họp điện tử, hệ thống quản lý kiến nghị cử tri, theo dõi tiến độ giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo và kết luận sau giám sát. Qua đó, giúp đại biểu dễ dàng tiếp cận thông tin, giảm phụ thuộc vào hồ sơ giấy. Đồng thời, xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để tiếp nhận ý kiến Nhân dân, công khai kết quả giải quyết kiến nghị, nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền. Đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, tăng cường sự tham gia của người dân, qua đó hiện thực hóa mục tiêu xây dựng chính quyền số, xã hội số ngay từ cấp cơ sở./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị, *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.*

2. Hội đồng nhân dân phường Đức Xuân, *Báo cáo số 244/BC-HĐND Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025, nhiệm vụ trọng tâm năm 2026, nhiệm kỳ 2021 - 2026.*

SỰ KIỆN NỔI BẬT THÁNG 4, THÁNG 5 NĂM 2026 TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI NGUYÊN

ThS Nguyễn Thị Hải Yến

*Giảng viên, Phòng Quản lý đào tạo,
bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học*

1. Thường trực Tỉnh ủy làm việc với Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên

Ngày 15/4/2026, tại trụ sở Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, Thường trực Tỉnh ủy đã tổ chức buổi làm việc nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học. Hội nghị do đồng chí Trịnh Xuân Trường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Bùi Văn Lương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đồng chủ trì, với sự tham gia của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cùng các sở, ban, ngành liên quan. Tại hội nghị, Ban Giám hiệu Nhà trường đã báo cáo chi tiết về tiến độ thực hiện các tiêu chí xây dựng Trường Chính trị tỉnh đạt chuẩn mức 2. Đồng thời, chỉ rõ những chỉ tiêu chưa đạt và những khó khăn hiện hữu.

Phát biểu chỉ đạo, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy ghi nhận nỗ lực của Nhà trường trong việc đạt chuẩn mức 1 và yêu cầu các cấp ngành khẩn trương tham mưu hoàn thiện Đề án chuẩn mức 2 theo quy định mới. Đồng chí nhấn mạnh trong công tác đào tạo, bồi dưỡng phải lấy người học làm trung tâm, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học gắn liền với thực tiễn của tỉnh Thái Nguyên. Hội nghị kết thúc với tinh thần quyết tâm cao, tạo động lực để tập thể cán bộ, viên chức Nhà trường phấn đấu hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn mức 2 vào năm 2027./.

2. Hội nghị trực tuyến quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa XIV

Sáng ngày 13/4/2026, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã tổ chức Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến toàn quốc để nghiên cứu, học

tập và quán triệt các nội dung của Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV. Hội nghị có quy mô đặc biệt lớn với hơn 36.000 điểm cầu và gần 2,2 triệu đại biểu tham dự, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm. Tại điểm cầu Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, đồng chí Nguyễn Phúc Ái, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng Nhà trường cùng toàn thể cán bộ, đảng viên, viên chức đã tham gia học tập nghiêm túc.

Các đại biểu đã được nghe quán triệt 5 chuyên đề trọng tâm bao gồm: Quy định thi hành Điều lệ Đảng; đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; công tác chính trị tư tưởng; phòng chống tham nhũng, lãng phí và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030. Sau hội nghị, từng cấp ủy và cá nhân trong hệ thống chính trị, bao gồm cả Trường Chính trị tỉnh, sẽ căn cứ chức năng, nhiệm vụ để nhanh chóng cụ thể hóa thành các chương trình hành động sát thực tế, bảo đảm sự thống nhất và thông suốt từ Trung ương đến địa phương./.

3. Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh tham gia Hội thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi

Ngày 22/4/2026, Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức thành công Hội thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi nhằm tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030. Hội thi là diễn đàn chuyên môn sôi nổi, thu hút 9 thí sinh tiêu biểu từ các chi bộ, đảng bộ trực thuộc, tham gia qua hai phần: thuyết trình trong 15 phút và trả lời câu hỏi phụ từ Ban Giám khảo.

Đại diện Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội thi có đồng chí Hồ Sĩ Bách, giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật. Với sự chuẩn bị chu đáo và tinh thần trách nhiệm, đồng chí đã thể hiện bản lĩnh vững vàng qua các phần thi, gắn kết nhuần nhuyễn giữa lý luận với thực tiễn địa phương. Kết quả, đồng chí Hồ Sĩ Bách đã xuất sắc giành giải Ba, góp phần lan tỏa sâu rộng nội dung cốt lõi Nghị quyết của Đảng đến người nghe một cách sinh động. Thành tích này không chỉ là niềm tự hào cá nhân mà còn khẳng định chất lượng đội ngũ giảng viên của Nhà trường trong việc chuyển mạnh từ “học tập, quán triệt” sang “hiểu sâu, hành động đúng”/.

4. Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị sinh hoạt chính trị tư tưởng do Tỉnh ủy tổ chức

Sáng 13/5/2026, Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị sinh hoạt chính trị tư tưởng do Tỉnh ủy Thái Nguyên tổ chức bằng hình thức trực tuyến với chủ đề: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” và phát động phong trào thi đua xây dựng “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt” giai đoạn 2026-2030.

Dự Hội nghị tại điểm cầu Nhà trường có đồng chí Nguyễn Phúc Ái, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng cùng cán bộ, đảng viên Nhà trường.

Tại Hội nghị, PGS, TS Bùi Đình Phong, nguyên Giảng viên cao cấp Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trình bày chuyên đề với nội dung: “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” gắn với Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 9/5/2024 của Bộ Chính trị quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới. Đồng chí Dương Văn Tiến, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy triển khai kế hoạch phát động phong trào thi đua xây dựng “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt” tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030. Phát biểu chỉ đạo, đồng chí Trịnh Xuân

Trường, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy nhấn mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cần được thực hiện thường xuyên, gắn với xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chính trị./.

5. Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề quý II năm 2026

Ngày 15/5/2026, Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tổ chức sinh hoạt chuyên đề quý II năm 2026 gắn với hoạt động giáo dục truyền thống, hành trình về nguồn tại Di tích thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên (xã La Bằng, tỉnh Thái Nguyên) với chủ đề: “Phát huy truyền thống 90 năm Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên trong nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng tại Đảng bộ Trường Chính trị tỉnh”.

Dự và chỉ đạo buổi sinh hoạt có đồng chí Phạm Việt Đức, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Nhà trường cùng toàn thể đảng viên Nhà trường. Tham dự buổi sinh hoạt còn có đại diện Trung tâm Chính trị xã Đại Phúc. Trước buổi sinh hoạt, đoàn đại biểu tổ chức dâng hương tưởng niệm tại khu Di tích thành lập cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên, nhằm tri ân các thế hệ cán bộ, đảng viên đi trước, giáo dục truyền thống cách mạng và nâng cao trách nhiệm của cán bộ, đảng viên.

Tại buổi sinh hoạt, các đại biểu tập trung thảo luận các nội dung gắn với nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng như: lồng ghép lịch sử Đảng bộ tỉnh vào giảng dạy, nâng cao chất lượng quản lý đào tạo, bồi dưỡng, gắn lý luận với thực tiễn địa phương và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên Nhà trường. Phát biểu kết luận, đồng chí Phạm Việt Đức nhấn mạnh ý nghĩa của giáo dục truyền thống cách mạng đối với công tác xây dựng Đảng và yêu cầu các chi bộ tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, góp phần xây dựng Đảng bộ Nhà trường ngày càng trong sạch, vững mạnh./.



Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị sinh hoạt chính trị tư tưởng do Tỉnh ủy Thái Nguyên tổ chức với chủ đề: “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” và phát động phong trào thi đua xây dựng “Chi bộ bốn tốt”, “Đảng bộ cơ sở bốn tốt” tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.



Đồng chí Đỗ Tài - Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng trao Quyết định thành lập Chi bộ Lớp Trung cấp lý luận chính trị khóa K61, hệ tập trung cho Chi ủy, Ban Cán sự lớp.



Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên tham dự Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XIV.



Đồng chí Nguyễn Phúc Ái - Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng tặng hoa chúc mừng đồng chí Hồ Sĩ Bách, giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật tham gia Hội thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi tuyên truyền Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030.